

CHƯƠNG XXI

TÁM MƯƠI KỆ

(*ASĪTINIPĀTA*)

§533. CHUYỆN TIỂU THIÊN NGÀ (*Cullahaṃsajātaka*)¹ (J. V. 333)

Bầy chim không để ý gì ta...

Đây là chuyện do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Veluvana (Trúc Lâm) về cách Tôn giả Ānanda đã hy sinh tính mạng.

Khi những người thiện xạ được mua chuộc để sát hại đức Như Lai và người đầu tiên được Devadatta (Đề-bà-đạt-đa)² phái đi làm việc này đã trở về, y nói:

– Bạch Tôn giả, con không thể đoạt mạng sống của đức Thế Tôn vì Ngài có đủ đại thần thông lực.

Devadatta đáp:

– Thôi được, ông không cần phải sát hại Sa-môn Gotama. Ta sẽ đích thân đoạt mạng sống của người ấy.

Thế rồi, trong khi đức Như Lai đang đi dạo dưới bóng mát ngã về Tây³ của Gijjhakūṭa (núi Linh Thú), Devadatta trèo lên đỉnh núi và ném xuống một tảng đá lớn như thể từ chiếc máy bắn đá bắn ra và tự nhủ: “Với tảng đá này, ta sẽ giết Sa-môn Gotama.” Song hai đỉnh núi giao nhau chặn lấy tảng đá và một mảnh vụn văng ra đập vào chân của đức Thế Tôn làm chảy máu và gây đau nhức dữ dội. Jīvaka lấy dao cắt rộng miệng vết thương ở chân đức Như Lai để máu độc chảy ra và cắt bỏ chỗ thịt sưng rồi thoa thuốc vào vết thương cho lành.

Bậc Đạo sư đi lại như trước với các vị đại đệ tử hầu cận quanh Ngài trong dáng điệu uy nghi của một vị Phật. Vì thế, khi thấy Ngài, Devadatta nghĩ thầm: “Quả thật không có một kẻ phạm phu nào chiêm ngưỡng dung sắc tối thắng kim thân của Sa-môn Gotama lại dám tới gần vị ấy ngoại trừ vương tượng Nālāgiri, là một mãnh thú hung dữ, chẳng biết gì về các công đức của Phật, Pháp, Tăng. Nó sẽ tiêu diệt được Sa-môn này.”

Thế là ông liền đi kể chuyện này với vua. Vua sẵn sàng đồng ý với đề nghị này và triệu người quân tượng vào bảo:

¹ Xem J. IV. 424, *Haṃsajātaka* (Chuyện thiên nga chúa), số §502.

² Xem Cv. VII. 187ff.

³ Xem Cv. VII. 193.

– Ngày mai, ngày mai khanh phải làm cho Nālāgiri say rượu đến độ điên cuồng và lúc tảng sáng thả nó ra đường phố mà Sa-môn Gotama đi qua.

Devadatta hỏi người quản tượng ngày thường con voi này uống bao nhiêu rượu men và khi y đáp: “Tám vò”, ông bảo:

– Ngày mai hãy cho nó uống mười sáu vò rồi thả nó ra về phía con đường Sa-môn Gotama đi qua!

Người quản tượng đáp:

– Được lắm!

Vua truyền đánh trống khắp kinh thành và công bố:

– Ngày mai Nālāgiri sẽ say rượu mạnh đến độ điên cuồng và được thả lỏng trong kinh thành. Dân chúng trong thành phải làm mọi việc cần làm vào sáng sớm và sau đó không ai được liêu lĩnh ra đường phố.

Devadatta từ cung vua xuống tận chuồng voi và bảo những người quản tượng:

– Ngày mai ta bảo cho các ông biết, chúng ta có thể hạ nhục một người từ địa vị cao sang xuống địa vị thấp hèn và nâng một người từ địa vị thấp hèn lên địa vị cao sang. Nếu các ông muốn danh giá thì sáng sớm ngày mai hãy cho Nālāgiri uống mười sáu vò rượu mạnh và đúng lúc Sa-môn Gotama đi đến lối ấy, hãy đâm con voi kia với các gậy nhọn, nó sẽ phá chuồng nổi điên, các ông hãy đuổi nó ra về phía con đường Sa-môn Gotama thường đi qua và thế là tiêu diệt vị ấy.

Bọn chúng sẵn sàng làm như vậy. Tiếng đồn vang dậy khắp kinh thành. Các đệ tử tại gia thành kính, nhiệt thành, thân tín với Phật, Pháp, Tăng nghe tin ấy liền đến gần bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta đã âm mưu với vua, ngày mai sẽ cho thả con voi Nālāgiri ra đường mà Thế Tôn đi qua. Xin Thế Tôn ngày mai đừng vào thành khát thực mà cứ ở lại đây. Chúng con sẽ cúng dường thực phẩm ngay tại tinh xá lên Tăng chúng với đức Phật đứng đầu.

Đức Phật không nói thẳng: “Ngày mai Ta sẽ không vào thành khát thực” mà Ngài đáp:

– Ngày mai Ta sẽ thị hiện thần thông để nhiếp phục Nālāgiri và đánh bại tà đạo. Và vì không đi khát thực trong thành Vương Xá, Ta sẽ rời thành cùng một số Tỷ-kheo hộ tống đi thẳng đến Trúc Lâm, rồi dân chúng ở Vương Xá sẽ đến đó mang theo nhiều bình bát thực phẩm và ngày mai họ sẽ cúng dường bữa ăn tại trai đường của tinh xá ấy.

Bằng cách này, bậc Đạo sư đã chấp thuận lời thỉnh cầu của họ. Khi được tin đức Như Lai đã tán đồng nguyện vọng của họ, họ ra đi từ kinh thành, mang theo nhiều bình bát thực phẩm và bảo nhau:

– Chúng ta sẽ cúng dường lễ vật ngay tại tinh xá ấy.

Bậc Đạo sư thuyết pháp vào canh một, giải đáp các vấn đề khó khăn vào canh giữa. Đầu canh cuối, Ngài nằm nghiêng về phía hữu như dáng sư tử, giữa

canh cuối Ngài an trú trong Thánh quả và sau cùng khi Ngài nhập định “Đại bi” vì nhân loại khổ đau, Ngài quán sát thấy mọi quyền thuộc của Ngài đã đủ cơ duyên thuận thực để được giáo hóa và nhận thấy rằng do kết quả của việc nhiếp phục con voi Nālāgiri, tám mươi bốn ngàn người sẽ được thông hiểu giáo pháp.

Rạng sáng ngày hôm sau, sau khi đã phục vụ mọi nhu cầu của thân thể, Ngài nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hôm nay hãy bảo tất cả Tỷ-kheo trong mười tám tinh xá quanh thành Vương Xá đến hộ tống Ta vào trong thành ấy.

Tôn giả tuân lệnh và tất cả Tăng chúng tập hợp tại Trúc Lâm. Bạc Đạo sư được Tăng chúng đông đảo hộ tống đi vào thành Vương Xá và bọn quản tượng tiến hành công việc theo lệnh truyền, còn quân chúng tụ họp thành nhiều nhóm. Những người mộ đạo nghĩ thầm: “Hôm nay sẽ có cuộc đại chiến giữa đức Phật là Vương Tượng với con voi của thế giới phàm tục này. Chúng ta sẽ chứng kiến đức Phật đánh bại Nālāgiri nhờ thần lực vô song của Ngài”, rồi họ trào lên đứng trên các lầu thượng và mái nhà cùng nóc nhà.

Còn những người tà đạo không tin tưởng lại suy nghĩ: “Nālāgiri là một con dã thú hung hãn, không biết gì về công đức của chư Phật. Hôm nay, nó sẽ giẫm nát hình thể vinh quang của Sa-môn Gotama và khiến vị ấy phải chết. Hôm nay, chúng ta sẽ trừ khử địch thủ của chúng ta.” Họ cũng đứng trên các lầu thượng và các chỗ cao khác.

Còn con voi, khi nhìn thấy đức Thế Tôn đến gần, đã làm mọi người kinh hoàng bằng cách phá sập nhà cửa, giương vòi ra nghiền nát xe cộ, tai vênh, đuôi dựng ngược, hùng hổ chạy như một ngọn núi sừng sững lao về phía đức Thế Tôn. Khi thấy nó, Tăng chúng thưa với đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Nālāgiri là một dã thú hung hãn, là tên sát nhân đang tiến đến đường này. Thật ra nó chẳng biết gì đến công đức của chư Phật. Xin đức Thế Tôn, bậc Thiện Thệ hãy lùi bước!

– Này các Tỷ-kheo, đừng sợ. Ta có đủ uy lực nhiếp phục Nālāgiri.

Sau đó, Tôn giả Sāriputta thỉnh cầu đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, khi nào có việc gì phải phụng sự phụ thân thì đó là trách nhiệm đặt lên vai con trưởng. Con xin nguyện nhiếp phục con vật này!

Bạc Đạo sư lại bảo:

– Này Sāriputta, uy lực của đức Phật là một việc, còn uy lực của các đệ tử là một việc khác.

Ngài từ chối lời đề nghị của Tôn giả và bảo:

– Ông hãy ở lại đây!

Đây cũng là lời thỉnh cầu của tám mươi vị Trưởng lão nhưng Ngài từ chối tất cả. Lúc ấy, Tôn giả Ānanda vì lòng ái kính bậc Đạo sư nồng nhiệt nên không thể chấp nhận việc này và kêu lớn:

– Hãy để con voi này giết con trước tiên!

Rồi Tôn giả đứng ngay trước bậc Đạo sư, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì đức Như Lai. Vì thế, bậc Đạo sư bảo vị ấy:

– Này Ānanda, đi ra ngay, đừng đứng trước mặt Ta!

Vị Trưởng lão đáp:

– Bạch Thế Tôn, con voi này rất hung bạo và man rợ, đó là một tên sát nhân, giống như ngọn lửa ở đầu cái vòng. Xin để nó giết con trước rồi sau đó mới đến gần đức Thế Tôn.

Và mặc dù đã được bảo đến lần thứ ba, vị Trưởng lão này vẫn đứng yên tại chỗ và không lui ra. Lúc ấy, đức Thế Tôn dùng thần lực đẩy vị ấy ra sau và đưa Tôn giả vào giữa Tăng chúng. Ngay lúc này, một phụ nữ chợt trông thấy Nālāgiri, quá kinh hoàng vì sợ chết liền chạy làm rơi đứa con mà bà đang bế bên hông xuống khoảng giữa đức Như Lai và con voi rồi vội thoát thân.

Con voi đuổi theo bà, chợt đến gần đứa bé đang khóc lớn. Bậc Đạo sư gây xúc động với lòng từ bi được trải rộng rất đặc biệt, vừa cất giọng dịu ngọt như tiếng của Phạm thiên vừa gọi con voi Nālāgiri:

– Này Nālāgiri, những kẻ đã làm người điên cuồng với mười sáu vò rượu mạnh không phải để cho người tấn công kẻ khác mà chúng làm vậy vì nghĩ rằng người sẽ tấn công Ta. Đừng nhọc công chạy quanh không mục đích mà hãy đến đây!

Khi nghe giọng nói của bậc Đạo sư, con voi mở mắt và nhìn đáng vẻ uy nghi của đức Thế Tôn liền xúc động mãnh liệt; và nhờ thần lực của đức Phật, công hiệu độc hại của rượu mạnh tan biến mất, vừa hạ vòi và vẫy tai, nó vừa đi đến quỳ xuống dưới chân đức Như Lai. Lúc ấy, bậc Đạo sư bảo nó:

– Này Nālāgiri, ngươi là một con voi hung dữ, Ta là Vương Tượng đã thành Phật. Từ nay ngươi đừng hung dữ và man rợ nữa, đừng sát nhân mà hãy tu tập tâm từ!

Nói vậy xong, Ngài đưa tay phải ra vỗ về trán voi và thuyết pháp qua các vần kệ này:⁴

Nếu voi dám đánh Chúa Voi này,
Voi sẽ khóc than kiếp đọa đây,
Đánh Chúa Voi này, ngươi phải chịu,
Đọa vào khổ cảnh kiếp sau hoài.
Từ bỏ buông lung với đại cuồng,
Kẻ ngu không đạt đến thiên đường,
Nếu mong thiên lạc trong đời kế,
Voi phải lo làm việc thiện lương.

⁴ Xem Cv. VII. 194.

Toàn thân con voi được thấm nhuần niềm hoan hỷ và giá như không phải là loài vật bốn chân thì nó đã đắc Sơ quả (Dự lưu). Dân chúng chiêm ngưỡng phép thần thông này liền reo hò vang dậy và búng ngón tay giòn giã. Trong niềm hân hoan, họ tung lên đủ mọi trang sức phủ khắp mình voi. Từ đó, Nālāgiri được mệnh danh là Dhanapālaka (Tài Hộ, giữ kho báu).

Bấy giờ, vào dịp gặp gỡ voi Tài Hộ này, tám vạn bốn ngàn chúng sanh được uống vị ngọt của pháp bất tử. Bậc Đạo sư đã an trú voi Tài Hộ vào ngũ giới. Nó vừa dùng vòi hút bụi bặm từ chân đức Thế Tôn rải lên đầu nó vừa cúi mình đi lui rồi đứng đánh lễ đấng Thập Lực cho đến khi Ngài khuất dạng, sau đó nó quay về chuồng voi. Từ đó về sau, nó hoàn toàn thuần thực và không hại ai cả.

Bấy giờ, ý nguyện của bậc Đạo sư đã thành tựu nên Ngài quyết định rằng kho báu ấy vẫn là tài sản của những người đã ném nó lên con voi, Ngài suy nghĩ: “Hôm nay Ta đã thực hiện một đại thần thông. Nếu Ta đi khát thực trong kinh thành này thì không thích hợp.” Thế là sau khi đánh bại những người tà đạo, Ngài được các Tỷ-kheo hộ tống đi ra kinh thành như một vị tướng lãnh chiến thắng và tiến thẳng về phía Trúc Lâm. Dân chúng đem theo một xô cơm nước và thức ăn loại cứng đi vào tinh xá rồi cử hành đại lễ cúng dường.

Chiều hôm ấy, trong lúc ngồi đông đủ tại pháp đường, Tăng chúng bắt đầu thảo luận, bảo nhau:

– Tôn giả Ānanda đã thành tựu một việc hy hữu khi sẵn sàng hy sinh tính mạng để cứu đức Như Lai. Vừa trông thấy Nālāgiri, mặc dù đã bị bậc Đạo sư bảo ba lần không được ở lại đó, Tôn giả vẫn không chịu đi ra. Nay các Hiền giả, quả thật Tôn giả ấy đã làm một việc hy hữu.

Bậc Đạo sư suy nghĩ: “Câu chuyện này xoay quanh vấn đề đức hạnh của Ānanda, Ta phải hiện diện ở đó mới được.” Ngài liền bước ra khỏi hương phòng, đến hỏi hội chúng:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đang bàn vấn đề gì trong lúc ngồi tại đây?

Và khi Tăng chúng đáp: “Về vấn đề như vậy, như vậy...” Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, ngay khi còn ở hình hài súc sanh, Ānanda cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, trong quốc độ Mahimsaka ở kinh thành Sakula, có vị vua mệnh danh Sakula, cai trị vương quốc theo Chánh pháp. Thời ấy, không xa kinh thành có một người bẫy chim ở trong ngôi làng của dân bẫy chim, kiếm sống bằng nghề đánh bẫy chim và đem ra phố bán. Gần kinh thành là một hồ sen Mānusiya có chu vi mười hai do-tuần, phủ đầy năm loại hoa sen. Một đàn chim đủ loại thường đến đó và người thợ kia tha hồ đặt bẫy. Bấy giờ, chúa loài thiên nga là

Dhatarattha có đoàn tùy tùng gồm chín mươi sáu ngàn thiên nga an trú trong Kim động trên đỉnh Cittakūṭa và vị đại tướng của đàn là Sumukha (Sư-mục-kha).

Một ngày kia, một đàn thiên nga màu vàng óng ả bay đến hồ Mānusiya và sau khi gặm chồi sen thỏa thích trong vùng đất phong phú thực phẩm này, chúng bay về đỉnh Cittakūṭa mỹ lệ kia và trình báo với chúa chim Dhatarattha:

– Tâu Đại vương, có hồ sen tên là Mānusiya, một vùng đất thực phẩm phong phú nằm giữa nơi cư trú của loài người. Chúng thần muốn đến nơi đó ăn uống.

Chúa chim đáp:

– Những nơi cư trú của loài người đầy nguy hiểm. Đừng để chuyện này lôi cuốn các bạn.

Sau đó, mặc dù không ưng thuận đi, ngài vẫn bị chúng nài nỉ mãi liền bảo:

– Nếu các bạn thích chuyện ấy thì chúng ta sẽ đi.

Rồi cùng với đám hầu cận, ngài bay đến đó. Vừa đáp xuống từ trên không, ngài đã đặt chân vào dây thông lọng ngay đúng lúc ngài chạm mặt đất. Thế là dây ấy siết chân ngài như thể cái kẹp sắt và giữ chân ngài thật chặt.

Lúc ấy, ngài nghĩ cách phá cái bẫy liền giật mạnh nó, trước tiên da chân rách ra, kế đó thịt bị xé ra và cuối cùng dây gân đứt, đến khi cái bẫy chạm tới xương, máu tuôn xối xả gây đau nhức dữ dội. Ngài suy nghĩ: “Nếu ta thốt lên tiếng kêu bị bắt, đồng loại ta sẽ hốt hoảng và nếu không được ăn gì chúng sẽ nhịn đói bay về và do kiệt sức, chúng sẽ rơi xuống nước.”

Vì vậy, ngài chịu đau cho đến khi bầy chim thân thuộc đã ăn uống no nê và vui đùa theo kiểu của thiên nga, ngài mới cất tiếng kêu của con chim bị nạn. Nghe vậy, cả bầy thiên nga kinh hoàng sợ chết liền bay về phía đỉnh Cittakūṭa. Ngay khi chúng đã khuất dạng, Sumukha, đại tướng thiên nga suy nghĩ: “Có thể đây là một việc khủng khiếp đã xảy ra với đại vương chăng? Ta muốn tìm hiểu xem sao.” Rồi bay hết tốc lực mà vẫn không nhìn thấy Bô-tát trong số đàn chim thiên nga đang bay về, chim ấy đi tìm ngài ở đàn chim lớn và cũng không thấy ngài đâu cả, nó tự bảo: “Chắc chắn có việc gì ghê gớm xảy ra rồi.” Khi quay lại nó liền thấy Bô-tát bị mắc bẫy, thân đầy máu đang chịu đau đớn vô cùng và đang nằm trên vũng bùn. Chim ấy hạ cánh xuống đậu trên mặt đất, vừa cố sức an ủi Bô-tát vừa nói:

– Xin Đại vương chớ sợ, thần sẽ giải cứu Đại vương khỏi cái bẫy dù phải hy sinh tính mạng của mình.

Lúc ấy, muốn thử lòng chim bạn, Bô-tát ngâm vần kệ đầu:

1. Bầy chim không để ý gì ta,
Vội vã chúng bay biến thật xa,
Chim bị giam tìm đâu bạn hữu?
Bay ngay, đừng ở nán đây mà.

Tiếp theo đây là các vần kệ đối đáp nhau:

[Đại tướng:]

2. Dù có đi hay ở với ngài,
Ngày kia thần cũng phải lìa đời,
Thần theo ngài thuở còn vinh hiển,
Lúc khổ đau không thể bước rời.
3. Hoặc thần phải chết với quân vương,
Hoặc sống đời hiu quạnh đoạn trường,
Thà chết ngay đây thì thật tốt,
Còn hơn sống để khóc bi thương.
4. Bỏ ngài không đúng nghĩa quân thần,
Khi ở trong tình cảnh đáng buồn,
Thần sẽ rất hài lòng, mãn nguyện,
Cùng ngài chung số phận phong trần.

[Nga vương:]

5. Số phận nào cho chim bị giam,
Ngoại trừ dây nường thịt hung tàn,
Tự do, trí vẫn còn suy nghĩ,
Sao có thể đành chịu bỏ thân?
6. Có lợi gì khanh hoặc với ta,
Từ đây khanh xét thấy, thiên nga,
Lợi gì quyến thuộc ta còn sống,
Nếu cả hai ta phải chết mà?
7. Kim nga, nghĩa cử của hiền khanh,
Sẽ bị màn đêm phủ thật nhanh,
Hành động hy sinh này biểu lộ,
Đức gì nếu đặt dưới bình minh?

[Đại tướng:]

8. Ngài không thấy, hỡi thiên nga vương,
Hạnh phúc theo sau việc chánh chân?
Chánh nghĩa được tôn sùng xứng đáng,
Dạy cho người thực chất hiền lương.
9. Thấy chân chánh tất cả việc lành,
Có thể từ chân chánh phát sinh,
Vì đã quý yêu ngài thấm thiết,
Thần hân hoan phóng xả thân mình.
10. Nếu biết điều chân chánh, chúng ta
Không hề bỏ bạn lúc sa cơ,

Cho dù phải cứu mình đi nữa,
Bậc Trí khuyên đây chánh nghĩa mà.

[Nga vương:]

11. “Chánh nghĩa của khanh đã thực hành,
Trong khi ta nhận thấy chân tình,
Đi ngay nếu thật khanh mong muốn,
Làm việc mà ta rất tán thành.
12. Có lẽ các dây thừng đã qua,
Buộc ràng quyền thuộc dưới quyền ta,
Kịp thời chuyển đến khanh sau đó,
Với trí tài điều khiển vượt xa.”
13. Trong khi đôi bạn quý cao này,
Trao đổi tâm tư tuyệt diệu vậy,
Hãy nhìn, gã săn chim táo bạo,
Hiện ra trước mắt chúa tôi đây,
Khác gì thân chết đang đi đến,
Trước kẻ liệt giường khốn khổ thay.
14. Đôi bạn thấy kia một kẻ thù,
Nên lòng lo sợ, nặng ưu tư,
Lặng yên đậu đó, không di chuyển,
Khi gã đến gần tự nẻo xa.
15. Thấy bầy ngỗng nọ đã tung bay,
Đây đó, biến dần giữa cội không,
Nơi chốn đôi chim cao thượng đậu,
Cừ nhân vội vã tiến lên gần.
16. Trong lúc gã đang vội bước chân,
Đến nơi định mệnh đã dành phần,
Thợ săn rung động vì tư tưởng,
Kêu lớn: “Bầy chim bị bắt không?”
17. Gã thấy một chim trong bầy giăng,
Và con chim nọ, gã nhìn sang,
Chăm lo chim bạn đang tù hãm,
Còn nó không xiềng xích buộc ràng.
18. Hoang mang trí óc lẫn hoài nghi,
Gã ngắm đôi chim cao thượng kia,
Khôn lớn cả đôi cùng đẹp mã,
Gã liền cất tiếng, giọng từ bi.

[Thợ săn:]

19. Đành rằng chim bị bắt trong đây,
Không thể bao giờ cất cánh bay,
Người vẫn tự do và lớn mạnh,
Sao người quyết ở với chim này?
20. Với người, chim có họ hàng gì,
Khi cả đàn kia đã trốn đi,
Dẫu được tự do, người ở lại,
Bên chim bị bắt một mình kia?

[Đại tướng:]

21. Hỡi cừu nhân của đàn thiên nga,
Ngài chính quân vương, vốn bạn mà,
Thân thiết như đời ta chẳng khác,
Ồ không, ta chẳng muốn bao giờ,
Bỏ ngài trong lúc ngài lâm nạn,
Cho đến khi thần chết gọi ta.

[Thợ săn:]

22. Chim này không phát hiện hay sao,
Chiếc bẫy người giăng kín thế nào?
Phận sự của anh hùng tướng lãnh,
Là đề phòng hiểm họa gian lao.

[Đại tướng:]

23. Khi người sắp gặp bước suy tàn,
Giờ tử thần đang tiến lại gần,
Dù bạn đến kề bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy sập dây giăng!

[Thợ săn:]

24. Bầy dù đủ loại, hỡi chim thần,
Đôi lúc đặt ra chỉ uổng công,
Đến phút cuối cùng do định mệnh,
Con người bị bẫy kín, thương vong.

Như vậy là nhờ đôi thoại với người bẫy chim mà đại tướng thiên nga đã xoa dịu được lòng anh ta và chim ấy ngâm vần kệ xin người ấy tha mạng cho Bò-tát:

25. Có phải đây là kết quả lành,
Do lời thân thiện với tôn huỳnh,
Xin người tha mạng đôi ta với,
Ta được tự do, giải thoát nhanh.

Người bẫy chim say mê giọng đôi đáp dịu ngọt của Sumukha liền ngâm kệ:

26. Này chim, ngươi chẳng bị giam mình,
Hãy chạy đi, mau chạy thật nhanh,
Ta chẳng muốn thân ngươi đổ máu,
Bình an, hãy sống chuỗi ngày xanh.

Tiếp theo sau, chim Sumukha ngâm bốn vần kệ:

27. Ta không tha thiết sống riêng ta,
Nếu bạn ta đây phải chết mà,
Xin hãy vui lòng tha vị ấy,
Thịt ta thay thế chúa thiên nga.
28. Chúng ta về tuổi tác tương đồng,
Cùng cỡ rộng dài các cẳng chân,
Không mất gì dù người đổi lấy,
Mạng ta thay thế mạng vương quân.
29. Hãy xét xem ta với cách này,
Thỏa lòng thềm muốn với ta đây,
Trước tiên hãy buộc ta vào bẫy,
Rồi để chúa chim giải thoát ngay.
30. Do đó người thành tựu ước mong,
Và ta đạt nguyện vọng trong lòng,
Thiên nga, tôn giả đều hòa hợp,
Trong lúc đời trôi mãi chẳng dừng.

Vậy là nhờ nghe giảng pháp lành, tìm người bẫy chim dụ lại như thể vãi được nhúng dầu và anh ta giao Bò-tát cho chim ấy, khác nào giao nô lệ cho chủ nhân, rồi ngâm kệ:

31. Xin làm chứng, các bậc Hiền nhân,
Nô lệ, họ hàng, các bạn thân,
Do chính một mình ngươi cứu giúp,
Chúa chim được giải thoát giam cầm.
32. Ít ai có được một thân bằng,
Như chính ngươi đang thật sẵn sàng,
Chia sẻ cùng nhau chung số phận,
Khi chim chúa gặp bẫy vong thân.
33. Vậy chúa chim này, ta thả ra,
Bạn ngươi theo gót cũng bay xa,
Mau lên giữa đàn chim thân thuộc,
Ngươi sẽ như sao chiếu sáng lò.

Nói vậy xong, người bẫy chim kia với từ tâm đến gần Bò-tát và cắt các sợi dây ra, ôm ngài trong tay, đưa ngài ra khỏi nước và đặt ngài trên đám cỏ xanh

tươi bên bờ hồ, rồi hết sức dịu dàng, nhẹ tay nới lỏng chiếc bẫy đã trói chân ngài rồi ném nó ra xa.

Sau đó, phát sinh tình thương mến mãnh liệt đối với Bồ-tát với tấm lòng tràn ngập niềm thân ái, người ấy lấy nước rửa máu ở vết thương của ngài và chùi sạch sẽ. Do năng lực của từ tâm ấy, vết thương ở chân Bồ-tát khép lại dần, gân nối liền gân, thịt liền thịt, da liền da, da non hiện ra và lông tơ mọc phủ lên đó. Bồ-tát vẫn giống hệt như trước kia, chân ngài như không hề bị sa bẫy bao giờ và an toàn theo tư thế bình thường hoan hỷ. Lúc ấy, Sumukha chiêm ngưỡng Bồ-tát hạnh phúc như vậy, tất cả đều do hành động của mình, trong niềm vui tràn trề, nó ca tụng người bẫy chim.

Bậc Đạo sư ngâm vãn kệ làm sáng tỏ vấn đề:

34. Hoan hỷ nhìn chim chúa thoát thân,
Ngõng làm vinh dự đáng minh quân,
Và êm tai kẻ làm ân phước,
Bằng những lời hay đẹp nhất trần:
35. “Lập hộ cùng thân quyến cả nhà,
Mong chư vị hạnh phúc chan hòa,
Như ta hạnh phúc khi nhìn thấy,
Chim chúa thiên nga được thả ra.”

Sau khi tán thán người bẫy chim như vậy, tướng quân Sumukha nói với Bồ-tát:

– Tâu Chúa thượng, người này đã cống hiến cho chúng ta một công đức thật vĩ đại. Ví thử người ấy không nghe lời chúng ta, anh ta có thể được đại phú hoặc bằng cách luyện tập chúng ta cho thuần để nuôi làm trò tiêu khiển và đem dâng cho các vị đại vương nào đó hoặc giết chúng ta để bán làm thức ăn. Song người ấy đã nghe theo lời chúng ta mà hoàn toàn không quan tâm đến kế sinh nhai của mình. Vậy chúng ta hãy đưa anh ta vào yết kiến quốc vương và làm cho anh ta được hạnh phúc suốt đời.

Bồ-tát chấp thuận việc này ngay. Sau khi vừa đàm luận với Bồ-tát bằng ngôn ngữ riêng của loài chim xong, tướng quân Sumukha nói với người bẫy chim bằng tiếng người và hỏi:

– Nay hiền hữu, tại sao hiền hữu đặt bẫy?

Gã đáp:

– Để kiếm lợi.

Sumukha bảo:

– Nếu vậy thì hiền hữu hãy đưa chúng ta vào thành trình diện với đức vua, ta sẽ thuyết phục đức vua ban phú quý cho hiền hữu.

Và chim ấy ngâm các vần kệ:

36. Nhanh lên, ta sẽ dạy cho người,
Phương cách tìm ra thật lắm lời,
Khi thấy đại danh chim ngỗng chúa,
Chẳng mang tí vết nhỏ nhất đời.
37. Mau đem ta đến chốn triều đường,
Thân thể bình an được vẹn toàn,
Đứng ở mỗi đầu, không trói buộc,
Phía trên đòn gánh của người mang.
38. Rồi người hãy nói: “Tấu Minh quân,
Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
Còn chim kia, chính thiên nga vương.”
39. Chúa tể loài người ấy ngắm xem,
Thiên nga vương giả, sẽ bùng lên,
Bao niềm hoan hỷ và sung sướng,
Sẽ tặng người vô số bạc tiền.

Khi chim ấy nói xong, người bầy chim đáp:

– Xin các vị đừng mong muốn yết kiến đức vua nữa. Vua chúa quả thật tâm tính hay thay đổi. Họ sẽ bắt giữ các vị để làm trò tiêu khiển hoặc giết chết các vị đấy.

Sumukha đáp:

– Nay hiền hữu, đừng sợ gì cả. Ta đã thuyết pháp làm dịu lòng một kẻ độc ác như bạn và đã khiến bạn quy phục ta, dù người là một kẻ bầy chim với bàn tay vấy máu đỏ. Còn các vua chúa thật ra đầy nhân từ và trí tuệ, là những người có thể phân biệt lời lẽ thiện ác. Vậy hãy mau đưa chúng ta vào yết kiến đức vua của hiền hữu!

Người bầy chim nói:

– Thôi được, xin các vị chớ giận tôi! Nếu việc này làm các vị thật sự thích thú thì tôi sẽ đưa các vị đến yết kiến đức vua.

Thế rồi, người ấy đưa đôi chim lên đòn gánh của mình và đi đến triều đình xin yết kiến vua. Khi được vua hỏi chuyện, người bầy chim trình bày hết sự việc theo lẽ thật.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

40. Vội làm khi gã mới nghe xong,
Việc các chim mong tận cõi lòng,

- Dem cặp hồng nga vào bộ kiến,
 Bình an, thân thể mạnh hoàn toàn,
 Đâu kia chẳng có gì ràng buộc,
 Trên mỗi đầu đòn gánh gã mang.
41. Rồi người ấy nói: “Tầu Minh quân,
 Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
 Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
 Còn chim kia, chính thiên nga vương.”
42. “Kìa những chim này mạnh biết bao,
 Trở thành môi bầy của người sao,
 Sao người bỏ tới gần bên chúng,
 Chẳng khiến chúng kinh hãi tầu đào?”
43. “Trong ao hồ, khải tầu Minh quân,
 Xin hãy ngắm xem bầy lưới giăng,
 Trong mọi chốn loài chim trú ẩn,
 Bầy thường được đặt tạo thương vong.
44. Chính trong một bầy kín như vậy,
 Thần đã bắt chim chúa ngỗng này,
 Chim bạn tự do, ngồi kế cận,
 Và mong cầu chúa thoát tù đầy.
45. Chim này làm phạm sự hơn xa,
 Thành tựu phạm nhân đạt đến mà,
 Cương quyết tập trung toàn nỗ lực,
 Làm cho chim chúa được buông tha.
46. Chim đẳng kia muốn chịu hy sinh,
 Xứng đáng hưởng thêm cuộc sống mình,
 Ví thử chúa chim này được sống,
 Chúa chim đã được bạn tôn vinh.
47. Nghe những lời chim ấy giải bày,
 Tiểu thần liền đạt phước ân ngay,
 Hân hoan giải phóng chim tù tội,
 Ra lệnh đôi chim cất cánh bay.
48. Hoan hỷ nhìn chim chúa thoát thân,
 Ngỗng làm vinh dự đáng minh quân,
 Và êm tai kẻ làm ân phước,
 Bằng những lời hay đẹp nhất trần:
49. ‘Lạ hộ cùng thân quyến họ hàng,
 Mong chư vị hạnh phúc muôn vàn,

- Như ta hạnh phúc khi nhìn thấy,
Chim chúa thiên nga được thoát nàn.
50. Nhanh lên, ta sẽ dạy cho người,
Phương cách tìm ra thật lắm lời,
Khi thấy đại danh chim ngỗng chúa,
Chẳng mang tí vết nhỏ nhất đời.
51. Mau đem ta đến chốn triều đường,
Thân thể bình an được vẹn toàn,
Đứng ở mỗi đầu không trói buộc,
Phía trên đòn gánh của người mang.
52. Rồi người hãy nói: ‘Tấu Minh quân,
Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
Còn chim kia chính thiên nga vương.’
53. Chúa tể loài người ấy ngắm xem,
Thiên nga vương giả, sẽ bùng lên,
Bao niềm hoan hỷ và sung sướng,
Sẽ tặng người vô số bạc tiền.”
54. Do vậy theo lời chim bảo ban,
Thần đưa đôi ngỗng đến triều đường,
Mặc dù chúng tự do tìm kiếm,
Nơi trú bình an ở núi ngàn.
55. Chim kia có số phận như vậy,
Dù thật chánh chân đến thế này,
Có thể chuyển lay lòng trắc ẩn,
Thợ săn hung bạo tựa thần đây.
56. Thiên nga này, khải tấu Minh quân,
Tặng vật tiêu thần đến hiến dâng,
Giữa những chốn người săn đặt bẫy,
Hiếm khi tìm được vật ngang bằng.”

Như vậy, gã đứng đó tán dương những đức hạnh của Sumukha. Sau đó, Vua Sakula tặng ngỗng chúa một bảo tòa sang trọng và Sumukha một kim đôn quý giá. Khi đôi chim đã an tọa, vua mời dùng bắp rang, mật ong, mật mía và các món tương tự đựng trong các chén đĩa bằng vàng. Khi đôi chim đã ăn xong, vua chấp hai tay thỉnh cầu Bồ-tát thuyết pháp rồi ngồi xuống một kim đôn nữa.

Theo lời thỉnh cầu ấy, chúa thiên nga đàm đạo đầy hứng thú với vua.

Bạc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ mọi việc:

57. Giờ đây nhìn thấy đấng quân vương,
An tọa kim đôn sáng rỡ ràng,
Chim ngỗng dùng âm thanh dịu ngọt,
Làm êm tai chúa tể trần gian.

[Thiên nga:]

58. Đại vương, ngọc thể có khang an,
Vạn sự Đại vương thấy vẹn toàn,
Quý quốc hẳn là đang thịnh vượng,
Được ngài cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

59. Nga vương, trăm vẫn được khang an,
Vạn sự trăm đây được vẹn toàn,
Bồn quốc hiện giờ rất thịnh vượng,
Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

60. Ngài có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ chúa chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
Vì chánh nghĩa và danh Chúa công?

[Quân vương:]

61. Trăm có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ trăm chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết
Vì chánh nghĩa và danh quả nhân.

[Thiên nga:]

62. Phải chăng hoàng hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi thánh ý Minh quân?

[Quân vương:]

63. Trăm nay có chánh hậu chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trăm cầu mong.

Khi Bồ-tát đã chấm dứt những lời chào hỏi thân hữu xong, vua lại đàm đạo cùng ngài:

[Quân vương:]

64. Khi vận rủi kia đưa đẩy ngài,
Đến cừu nhân tối hiểm trên đời,
Khi ngài gặp phải tay người ấy,
Ngài đã chịu bao thống khổ rồi?

65. Gã kia có đến, gậy trong tay,
Đánh đập các ngài, nói trẫm hay?
Vớ những con người gian ác ấy,
Trẫm thường nghe nói cách như vậy.

[Thiên nga:]

66. Ta không hề gặp bước gian nan,
Trong lúc lòng ta vẫn nhớ ơn,
Kẻ ấy chẳng bao giờ đổi xử,
Vớ ta, như những bọn cừu nơn.

67. Người bầy chim run rẩy, ngạc nhiên,
Cầu mong hỏi chuyện của đôi chim,
Và Sumukha, tướng quân khôn nhất,
Đã trả lời ngay kẻ ấy liền.

68. Nghe những lời chim tướng giải bày,
Người kia liền đạt phước ân ngay,
Hân hoan giải thoát ta từ bấy,
Ra lệnh đôi ta cất cánh bay.

69. Tâu Đại vương, Sumukha ước mong,
Đến đây và yết kiến long nhan,
Nghĩ rằng người bầy chim thân hữu,
Sẽ kiếm ra vô số bạc vàng.

[Quân vương:]

70. Cung nghênh các vị, đúng hoàn toàn,
Trẫm thật hân hoan gặp bạn vàng,
Hiền hữu bầy chim rồi sẽ nhận,
Thỏa lòng mọi tặng vật trần gian.

Nói vậy xong, vua nhìn một vị cận thần và khi vị ấy hỏi:

– Tâu Đại vương, xin cho biết thánh ý?

Vua đáp:

– Khanh hãy đưa người bầy chim này đi tỉa gọn râu tóc và sau khi người ấy được tắm rửa, thoa dầu thơm, hãy cho phục sức xiêm y lộng lẫy và đưa người ấy lại đây.

Khi việc này đã xong và người bầy chim được dẫn đến, vua ban ân cho anh ta một ngôi làng hằng năm sinh lợi một trăm ngàn đồng tiền và thêm một ngôi nhà xây ở vị trí giáp hai mặt đường, một cỗ xe lộng lẫy và cả kho vàng ròng.

Bạc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

71. Quân vương rộng lượng đã truyền ban,
Người bầy chim vô số bạc vàng,
Sau đó hồng nga cất tiếng nói,
Âm thanh mê mẩn cả tâm can.

Sau đó, Bồ-tát thuyết pháp cho vua và khi nghe ngài giảng giải, vua sinh tâm hoan hỷ, mong muốn bày tỏ dấu hiệu kính trọng đối với vị Pháp sư, vua liền tặng ngài chiếc lọng trắng, vừa dâng lên ngài cả quốc độ vừa ngâm các vần kệ này:

72. Những gì trăm có đúng công bằng,
Những vật trăm đòi hỏi chánh chân,
Sẽ chuyển qua quyền ngài thọ hưởng,
Nếu ngài nêu nguyện ước trong tâm.
73. Dẫu ngài đem bố thí ban ân,
Hoặc sử dụng, hay muốn hưởng phần,
Trăm nhượng quyền hành cùng tất cả,
Và giao ngài cả chiếc ngai vàng.

Bồ-tát liền trao trả chiếc lọng trắng mà vua đã tặng ngài. Rồi vua suy nghĩ: “Ta đã nghe pháp do vị chúa hồng nga thuyết giảng, song vị tướng quân Sumukha này được người bầy chim tán tụng nhiệt liệt là nói năng dịu ngọt như mật rót vào tai, vậy ta cũng muốn nghe chim ấy thuyết pháp.” Thế là vua ngâm vần kệ khác để đàm đạo với chim ấy:

74. Trí hiền Sumukha thật tinh thông,
Ví thử nói ra tự nguyện lòng,
Chỉ một hai lời thôi cũng đủ,
Trăm đây hạnh phúc bội muôn phần.

Sau đó, Sumukha đáp:

75. Xin tâu Chúa thượng, trước Minh quân,
Đúng phép, tôi không dám nói năng,
Dù chỉ một đôi lời nhỏ mọn,
Khác nào vương tử của long thân.
76. Vì chúa hồng nga hiện diện đây,
Và ngài, đại đế tối cao vậy,

Có quyền đòi hỏi đầy chân chánh,
Niềm kính trọng, tôi phải tỏ bày.

77. Thần tôi hèn mọn, tấu Quân vương,
Nên chẳng dám can thiệp luận bàn,
Khi nhị Đại vương đang nghị sự,
Bao điều quan trọng giữa triều đường.

Vua nghe chim ấy nói, lòng đầy hoan hỷ phán bảo:

– Người bầy chim nhiệt liệt ca tụng tướng quân, chắc chắn không thể có
được ai khác như khanh cả, quả thật khanh là vị thuyết pháp êm dịu làm sao!

Vua ngâm các vần kệ này:

78. Người bầy chim ca tụng nhiệt tình,
Chim này trí tuệ, tuyệt thông minh,
Tinh khôn như vậy đâu tìm thấy,
Ở kẻ trí chưa được học hành.
79. Trong đàn chim cao quý trăm xem,
Chim này vô địch giữa đàn em,
Tôi cao đức tính chim đầy đủ,
Đệ nhất hữu tình vượt hẳn lên.
80. Hình dáng thanh cao, giọng ngọt ngào,
Khiến lòng mê mẩn biết dường nào,
Ước mong của trăm là hai vị,
Ở mãi bên mình thỏa ước ao.

Sau đó, Bồ-tát ngâm kệ ca tụng vua:

81. Ngài đối đãi đầy với chúng thần,
Như người đối với đại thân bằng,
Này đây Chúa thượng vừa ban phát,
Hèn mọn đôi chim hưởng phước ân.
82. Song đàn chim quyến thuộc kêu than,
Xa vắng lâu ngày đã bất tâm,
Và có nhiều chim đầy khổ não,
Vì không còn thấy bóng nga vương.
83. Vậy để xua tan nỗi khổ này,
Đại vương, xin thả chúng thần ngay,
Cúi xin Chúa thượng nay cho phép,
Gặp lại thân bằng, cất cánh bay.
84. Hôm nay hạnh ngộ đáng Quân vương,
Thần thấy tâm hoan hỷ ngập tràn,
Thần chắc từ nay toàn bạn hữu,
Chẳng còn duyên cớ để kinh hoàng.

Khi ngài nói vậy xong, vua mới chịu để hai vị ra đi. Bồ-tát lại thuyết giảng cho vua về nỗi khổ đau theo liền sau ngũ dục và niềm hạnh phúc đi theo công đức, rồi ngài khích lệ vua:

– Xin Đại vương giữ giới luật và trị dân chân chánh cùng thu phục nhân tâm với tứ nhiếp pháp.⁵

Sau đó, ngài khởi hành bay về đỉnh Cittakūṭa.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 85.** Như vậy với chúa tể loài người,
Chim chúa Dhata đã đáp lời,
Sau đó tìm thân bằng quyến thuộc,
Tung đôi cánh mạnh nhất lên trời.
- 86.** Nhìn chủ tướng chim được vạn an,
Trở về từ cõi chết nhân gian,
Đàn chim vỗ cánh kêu âm ỉ,
Chào đón chúa chim lại họp đàn.
- 87.** Vây quanh chúa tể, chúng tôn sùng,
Tin tưởng, giờ đây đàn ngỗng hồng,
Kính cẩn nghiêng mình chào chúa tể,
Hân hoan vì chúa được an thân.

Trong khi hộ tống chim chúa, bảy thiên nga hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, làm thế nào ngài thoát nạn?

Bồ-tát thuật cho chúng nghe ngài được giải thoát là nhờ Sumukha giúp đỡ và nói về hành động của Vua Sakula cùng người bầy chim.

Nghe vậy cả bảy thiên nga hân hoan ca ngợi tất cả các vị:

– Vạn tuế tướng quân Sumukha của đàn thiên nga và Đại vương Sakula cùng người bầy chim. Cầu mong các vị được an lạc, hạnh phúc lâu dài!

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ cuối cùng để làm sáng tỏ vấn đề:

- 88.** Ai có từ tâm ắt đạt thành,
Việc gì các vị ấy thi hành,
Như thiên nga trở về bằng hữu,
Lần nữa đôi chim được trọn lành.

⁵ Tứ nhiếp pháp (*cattāri saṅgahavattḥūni*, 四攝法), còn gọi “tứ sự nhiếp” (四事攝) gồm 4 pháp: Bố thí (P. *dāna*, 布施, E. liberality), ái ngữ (P. *peyyavajja*, 愛語, E. kindly speech), lợi hành (P. *atthacariyā*, 利行, E. a life of usefulness), đồng sự (P. *samānattatā*, 同事, E. impartiality). Tham chiếu: D. III. 152, 232; A. II. 32, 248; IV. 219, 364.

Đến đây bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Ānanda cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người bầy chim là Channa (Xa-nặc), nhà vua là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sumukha là Ānanda (A-nan), chín mươi ngàn thiên nga là các đệ tử đức Như Lai và chúa thiên nga chính là Ta.

§534. CHUYỆN ĐẠI THIÊN NGÀ (*Mahāhamsajātaka*)⁶ (J. V. 355)

Kìa đàn thiên nga cất cánh bay...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Trưởng lão Ānanda hy sinh tính mạng. Phần duyên khởi cũng giống hệt như chuyện đã kể trên, nhưng vào dịp này, trong lúc bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ đã tường thuật chuyện sau đây.

Ngày xưa, ở thành Ba-la-nại, một vị quốc vương mệnh danh là Saṃyama có vị chánh hậu tên là Khemā (Thái Hòa). Thời ấy, Bồ-tát cùng đoàn tùy tùng chín mươi ngàn con thiên nga trú trên đỉnh Cittakūṭa.

Một ngày kia, vào lúc tảng sáng, Hoàng hậu Khemā chiêm bao thấy một bầy thiên nga màu vàng ánh đến đậu trên ngai vua và thuyết pháp với giọng ngọt ngào. Trong khi hoàng hậu đang lắng tai nghe và tán thán mà chưa được trọn bài thuyết giảng thì bình minh đã đến, bầy thiên nga liền chấm dứt pháp thoại và bay qua cửa sổ mở rộng. Hoàng hậu vội vàng thức dậy kêu to:

– Bắt lấy chúng, bắt lấy bầy thiên nga trước khi chúng thoát thân!

Và trong lúc vừa dang rộng cánh tay, bà tỉnh dậy. Nghe lời bà, các cung nữ thưa:

– Tâu Lệnh bà, bầy thiên nga ở đâu?

Và chúng cười khúc khích. Lúc ấy, hoàng hậu biết đó chỉ là giấc mơ và nghĩ thầm: “Ta không thể thấy một vật không có thật, chắc chắn có loài kim nga trên đời này, song nếu ta tâu đức vua: ‘Thiếp mong muốn nghe chim kim nga thuyết pháp’, ngài sẽ bảo: ‘Ta chưa từng thấy giống kim nga nào cả, làm gì có chuyện chim kim nga thuyết pháp’ và ngài sẽ không quan tâm đến vấn đề đó. Tuy nhiên, nếu ta tâu: ‘Thần thiếp có niềm ao ước ấy trong lúc mang thai’, ngài sẽ cho tìm chúng bằng mọi cách và thế là ta được thỏa tâm nguyện.”

Vì vậy, vừa giả bệnh vừa dặn dò các cung nữ xong, bà đi nằm. Khi vua đã ngự lên ngai mà không thấy bà đến yết kiến như thường lệ liền hỏi Hoàng hậu

⁶ Xem J. IV. 424, *Hamsajātaka* (Chuyện thiên nga chúa), số §502.

Khemā ở đâu và khi nghe bà bị bệnh, vua đến thăm, vừa ngồi một bên giường vừa vuốt lưng và hỏi thăm bệnh tình của bà. Bà đáp:

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp không có bệnh gì cả, song thiếp chợt có những niềm ao ước của một thai phụ.

– Này Ái khanh, cứ nói đi, Ái khanh muốn gì, trăm sẽ tìm được cho Ái khanh ngay.

– Tâu Chúa thượng, thiếp ao ước nghe chim kim nga thuyết pháp trong lúc chim ấy ngự trên ngai vàng có chiếc lọng che trên đầu, và thiếp mong dâng lên chim ấy nhiều tràng hoa thơm cùng các lễ vật khác để tỏ lòng cung kính tán thán của thiếp. Nếu thiếp đạt được điều này thì quý biết bao, nếu không thiếp chẳng muốn sống nữa.

Vua liền an ủi bà và bảo:

– Nếu có vật ấy trên thế giới này thì Ái khanh sẽ được toại nguyện, chớ lo buồn.

Rồi ra khỏi cung thất của hoàng hậu, vua tham vấn các vị đại thần và phán:

– Này các khanh, hãy lưu ý, Hoàng hậu Khemā bảo: “Nếu thiếp nghe được chim kim nga thuyết pháp thì thiếp sẽ sống, nếu không thiếp sẽ chết.” Vậy hãy cho trăm biết, có loài chim kim nga nào chăng?

Triều thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, chúng thần chưa từng nghe hoặc thấy loài ấy.

– Thế ai biết được chuyện này?

– Tâu Chúa thượng, các Bà-la-môn.

Vua liền triệu tập các Bà-la-môn đến và hỏi:

– Có chuyện nào như việc loài chim kim nga thuyết pháp chăng?

– Tâu Đại vương, có. Theo truyền thuyết của chúng thần, các loài cá, cua, rùa, nai, công và thiên nga đều có sắc vàng ánh. Trong số ấy, người ta bảo dòng giống thiên nga Dhatarattha rất tinh khôn, thông thái. Cộng thêm loài người nữa là bảy loài sinh vật có màu vàng ánh.

Vua vô cùng hoan hỷ, hỏi:

– Vậy loài thiên nga Dhatarattha thông thái này cư ngụ ở đâu?

– Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

– Thế thì ai biết chứ?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, những người bắt chim.

Vua liền tập hợp tất cả dân bắt chim từ khắp nước về và hỏi họ:

– Này các hiền hữu, các chim kim nga thuộc dòng giống Dhatarattha cư trú ở đâu?

Một người bầy chim đáp:

– Tâu Đại vương, theo truyền thuyết từ đời nọ sang đời kia, người ta bảo chúng cư trú trong dãy Tuyết Sơn, trên đỉnh Cittakūṭa.

– Vậy khanh có biết làm cách nào bắt được chúng chẳng?

– Tâu Đại vương, thần không biết.

Vua liền triệu tập các Bà-la-môn thông thái. Sau khi cho họ biết có loài chim kim nga trên đỉnh Cittakūṭa, vua hỏi họ có cách nào để bầy chúng chẳng. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, cần gì chúng thần phải bắt chim? Chúng thần sẽ bày mưu kế đưa chim về gần kinh thành và bắt chúng.

– Mưu kế gì vậy?

– Tâu Đại vương, về phía Bắc kinh thành, xin Đại vương ra lệnh đào một cái hồ rộng ba dặm, một địa điểm thật an toàn, chứa đầy nước, trồng đủ loại ngũ cốc cùng năm loại hoa sen phủ mặt hồ. Rồi giao hồ cho một người bầy chim thiện xảo chăm sóc, không cho phép ai đến gần hồ và phân công nhiều người canh giữ bốn góc, rao truyền cho dân chúng biết đây là hồ bảo tồn chim muông. Khi nghe vậy, mọi loài chim sẽ đến đó. Sau đó, các con chim kim nga này nghe bọn chúng bảo nhau hồ này thật an toàn, tất nhiên sẽ đến thăm hồ và Đại vương bảo lấy thòng lọng bầy chúng.

Vua nghe vậy liền bảo đào hồ như họ miêu tả ở vùng họ nói, rồi triệu một người bầy chim thiện xảo đến ban cho gã một ngàn đồng tiền và phán:

– Từ nay người hãy bỏ nghề cũ, trẫm sẽ cấp dưỡng cho vợ con, gia đình người. Hãy cẩn thận canh giữ hồ Khema này và buộc mọi người phải tránh xa hồ! Truyền rao khắp bốn phương rằng đây là hồ bảo tồn chim muông, hễ có loài chim nào lai vãng đến nơi đây đều là của trẫm và khi loài chim kim nga đến, người sẽ được vinh hoa phú quý.

Cùng với những lời khích lệ này, vua giao gã chăm nom hồ bảo tồn. Từ ngày ấy, gã bầy chim làm đúng như lệnh vua truyền, canh giữ nơi ấy và do gã bảo vệ hồ được bình an nên được mệnh danh là Khemaka “người bầy chim ở hồ Khema.”

Từ đấy, mọi loài chim bay đến đậu nơi ấy, và vì chúng truyền tin cho nhau rằng hồ này bình an ổn định nên nhiều loài thiên nga bay đến. Trước hết là loài thiên nga màu cổ xanh, rồi nhờ chúng loan báo, kế đó là loài hoàng nga, và theo cách này, giống thiên nga đỏ tía, thiên nga trắng và thiên nga Pāka lần lượt bay đến.

Khi chúng đến, Khemaka trình vua như vậy:

– Tâu Đại vương, năm loài thiên nga đã đến và chúng vẫn đang tiếp tục ăn uống ở hồ này. Giờ đây thiên nga Pāka đã đến, chỉ vài ngày nữa là loài kim nga sẽ đến. Xin Đại vương chớ lo âu!

Vua nghe vậy liền truyền đánh trống lệnh công bố khắp kinh thành rằng không ai được phép đến nơi kia, bất cứ kẻ nào bất tuân lệnh sẽ chịu hình phạt chặt tay chân và tịch thu gia sản nên từ đó không ai dám đến đó nữa.

Bảy giờ, thiên nga Pāka cư trú trong Kim động, không xa đình Cittakūṭa. Loài chim này có sức mạnh phi thường và cũng giống như thiên nga dòng họ Dhataratṭha, màu sắc thân của chúng rất đặc sắc, còn con gái của thiên nga vương Pāka lại có màu vàng ánh. Vì thế, vua cha nghĩ rằng nàng xứng đôi với thiên nga vương Dhataratṭha và gả nàng cho vua chim. Nàng rất được vua chim sủng ái, nhờ vậy hai dòng họ thiên nga này trở nên thân thiết nhau.

Một hôm, bảy thiên nga hầu cận Bô-tát hỏi thiên nga Pāka:

- Hiện giờ, các bạn tìm thức ăn ở đâu?
- Chúng tôi đang kiếm ăn gần Ba-la-nại, trong một vùng nước an toàn, nhưng còn các bạn bay tận đâu?

Chúng đáp:

- Đến nơi như vậy, như vậy.
- Sao các bạn không đến hồ bảo tồn chim muông? Đó là một cái hồ tuyệt đẹp, đủ các loài chim, được năm loại sen bao phủ, có rất nhiều loại ngũ cốc và quả cây cùng nhiều đàn ong đủ loại bay lượn vo ve. Tại bốn phía đều có người canh giữ, công bố hồ được vĩnh viễn tránh khỏi hiểm nguy, không ai được phép đến gần, lại càng không có việc hại nhau đâu.

Theo cách này, chúng cứ ca tụng hồ Khema mãi. Khi nghe chuyện thiên nga Pāka nói, chúng trình với Sumukha (Sư-mục-kha):

- Bảy chim kia bảo với chúng thần ở gần Ba-la-nại có một hồ Khema như vậy, dòng họ Pāka vẫn thường đi ăn tại đó. Xin tướng quân tâu với đại vương Dhataratṭha và nếu ngài cho phép chúng thần thì chúng thần cũng sẽ kiếm mồi tại đó.

Sumukha trình với chúa chim, ngài suy nghĩ: “Loài người quả thật đầy mưu thần chước quỷ. Chắc chắn phải có lý do gì đây. Từ xưa tới nay không hề có hồ như vậy. Chắc hẳn bây giờ hồ đã được xây để bắt chúng ta.” Ngài liền bảo Sumukha:

- Khanh đừng tán thành việc đi đến hồ kia. Hồ này chẳng được họ xây bằng thiện ý đâu mà nó được xây để bắt chúng ta đó. Chắc chắn loài người đầy ác tâm và mưu mô xảo quyệt. Hãy ở lại chỗ các khanh thường kiếm mồi!

Lần thứ hai, lần thứ ba, bảy kim nga thưa với tướng quân Sumukha rằng chúng rất nóng lòng đi đến hồ Khema và vì vậy lại trình nguyện vọng của chúng lên Bô-tát. Bô-tát suy nghĩ: “Không nên để quyền thuộc bất mãn vì ta. Vậy chúng ta cùng đến đó.” Vì vậy, được chín mươi ngàn chim thiên nga hộ tống, ngài bay đến đó và gặm chồi non, vui đùa theo cung cách của loài thiên nga xong rồi bay về đình Cittakūṭa.

Sau khi bầy chim đã ăn uống và giã từ, người bầy chim Khemaka đi trình với vua xứ Ba-la-nại việc chim đã đến. Vua vô cùng hoan hỷ phán:

– Nay hiền hữu Khemaka, hãy cố gắng bắt lấy một hai thiên nga, rồi ta sẽ ban thưởng vinh hoa phú quý cho khanh!

Cùng với các lời này, vua ban bổng lộc cho gã và bảo gã ra về. Khi trở lại hồ, người bầy chim ngồi giấu mình trong cái thùng rỗng và ngắm các hoạt động của bầy thiên nga. Các vị Bồ-tát quả thật đã thoát ly tham dục vì thế Bồ-tát bắt đầu từ nơi đã hạ cánh xuống, bước đi ăn lúa một cách chừng mực, từ tốn. Còn các con chim kia đều bay nhảy kiếm mồi khắp nơi. Do vậy, người bầy chim suy nghĩ: “Thiên nga này đã thoát ly tham dục. Đây chính là con chim ta phải bắt lấy.”

Ngày hôm sau, trước khi bầy thiên nga hạ cánh xuống hồ, gã đến một nơi gần đó giấu mình trong cái thùng rỗng, ngồi yên tại đó nhìn qua khe hở của thùng. Lúc ấy, Bồ-tát được chín mươi ngàn chim thiên nga hộ tống đáp xuống nơi ngài đã đến hôm trước và đậu ngay tại chỗ ăn hôm qua, tiếp tục ăn lúa.

Người bầy chim nhìn qua khe hở của thùng, chú ý ngay vẻ đẹp phi thường của chim này và suy nghĩ: “Chim này lớn bằng cỗ xe, lông vàng ánh và cổ lại có ba khoang đỏ. Ba khoang này chạy từ cổ xuống dọc theo phần giữa bụng, trong khi ba khoang khác chạy xuống nổi rõ trên lưng, toàn thân tỏa sáng như một khối vàng ròng treo trên sợi dây làm bằng chỉ đỏ. Đây chắc hẳn là chim chúa và chính là con chim ta quyết bắt lấy.”

Còn chúa thiên nga, sau khi ăn lúa trên đồng ruộng xong, lại vui đùa trong vũng nước và sau đó được đàn chim hộ tống trở về đỉnh Cittakūṭa. Suốt sáu ngày liền, ngài kiếm mồi theo kiểu ấy. Vào ngày thứ bảy, Khemaka kết một sợi dây lớn bằng lông ngựa đen và buộc dây thông lọng trên cây sào, rồi vì biết chúa thiên nga sẽ đáp xuống ngày mai vào chỗ cũ, gã đặt cây sào có buộc cái bẫy ở trên vào trong vũng nước.

Hôm sau, chúa thiên nga hạ cánh xuống liền bị mắc chân vào bẫy, nó kẹp chặt chân chim như sợi dây sắt siết mạnh. Chim chúa muốn phá bẫy nên kéo lê nó đi và lấy hết sức đập mạnh vào bẫy. Trước tiên, chỗ da vàng ánh bị bầm dập, kế đó thịt màu đỏ thẫm bị rách, rồi gân đứt lìa, cuối cùng đáng lẽ chân chim đã bị gãy, song nghĩ rằng thân thể tàn tật không xứng đáng với một chúa chim nên chim không chông cựa nữa. Trong khi các chỗ đau bắt đầu nhức nhối, chim suy nghĩ: “Nếu ta thốt tiếng kêu cứu, quyền thuộc ta sẽ hoảng hốt và dù chưa ăn no đủ chúng cũng sẽ chạy trốn thì e còn đói lòng, chúng sẽ rơi xuống nước.”

Vì thế cố chịu đựng nỗi đau, chim đứng yên trong gọng kìm của chiếc bẫy, giả vờ ăn lúa. Nhưng khi đàn chim đã no nê rồi và đang chơi đùa theo kiểu cách của thiên nga, chim chúa liền thốt lên tiếng kêu bị nạn. Bầy thiên nga nghe vậy bay bổng lên đi mất như đã được tả trước đây. Tướng quân Sumukha cũng xem xét mọi việc như đã kể rồi bay đi tìm quanh quẩn mà không thấy Bồ-tát trong ba

đàn thiên nga lớn kia liền suy nghĩ: “Chắc hẳn đây là một chuyện khủng khiếp đã xảy ra với đức vua”, thế rồi Sumukha quay lại và nói:

– Tâu Chúa thượng, xin đừng sợ, thần sẽ giải cứu Chúa thượng dù phải hy sinh tánh mạng của thần!

Rồi vừa đáp xuống vũng bùn, chim ấy an ủi vỗ về Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: “Chín mươi ngàn chim thiên nga đã bỏ ta bay đi mất, chỉ còn chim này một mình trở lại đây. Ta không biết khi người bầy chim đến, Sumukha cũng sẽ bỏ ta mà bay đi không.” Rồi để thử lòng chim kia, ngài dựa mình đầy máu vào chiếc sào buộc cái bẫy và ngâm ba vần kệ:

89. Kìa đàn thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh đầy,
Đi ngay, Sumukha vàng ánh,
Khanh muốn gì chẳng ở chốn này?

90. Họ hàng ta đã bỏ rơi ta,
Bọn chúng đều cao chạy vút xa,
Đào tẩu ngay không hề nghĩ ngại,
Sao khanh đơn độc ở đây mà?

91. Thiên nga cao thượng, hãy bay về,
Tù tội làm sao có bạn bè?
Lúc được tự do, Sumukha hỡi,
Bay đi, đừng bỏ dịp may kè!

Nghe vậy, Sumukha nghĩ thầm: “Thiên nga vương này không biết bản tính của ta, ngài tưởng ta chỉ là thứ bạn nói lời xu nịnh. Ta sẽ tỏ cho ngài thấy ta yêu quý ngài biết bao”, rồi chim ấy ngâm bốn vần kệ:

92. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Song ở lại đây thần đã quyết,
Bên ngài, dù sống chết không màng.

93. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Chẳng dự vào hành vi hạ liệt,
Với bầy chim nọ, chẳng theo gương.

94. Thần đồng tâm hiệp ý cùng ngài,
Đồng bạn vui chơi thưở thiếu thời,
Giữa các quần thần, tâu Chúa thượng,
Nổi danh là thủ lĩnh hùng oai.

95. Khi về với quyền thuộc thân bằng,
Thần biết làm sao để nói năng,

Ví thử bỏ ngài cho số phận,
Vô tình bay bổng thật nhanh chân?
Không, thà chịu chết hơn là sống,
Khi phải đóng vai hạ liệt thân!

Khi Sumukha đã ngâm bốn vần kệ như giọng sư tử rống, Bồ-tát lên tiếng nêu rõ đức độ của bạn:

96. Bản tính khanh, Sumukha tướng quân,
Vẫn thường an trú lý như chân,
Không bao giờ bỏ rơi vua chúa,
Thân hữu, hãy tìm cách thoát thân!
97. Khi ta nhìn thấy mặt hiền khanh,
Trong trí ta không khỏi hãi kinh,
Dù cảnh ngộ buồn, khanh cũng sẽ,
Tìm đường giải cứu bạn thân mình.

Trong lúc đôi chim đang đàm luận như vậy, người bầy chim đứng trên bờ hồ thấy bầy thiên nga bay rẽ ra thành ba đàn và không biết việc này có ý nghĩa gì, gã chợt nhìn đến nơi gã đã đặt bẫy và thấy Bồ-tát dựa mình vào cây gậy có cột thông lọng. Vô cùng mừng rỡ, gã buộc thắt lưng lại, cầm gậy vội vàng đến gần và đứng trước đôi chim; như ngọn lửa ở đầu chiếc vòng, đầu gã vươn cao trên đôi chim và gót chân chôn chặt dưới bùn.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng rõ vấn đề:

98. Đôi chim cao thượng đã trao nhau,
Tư tưởng như vậy, thật quý cao,
Hãy ngắm kẻ săn chim táo bạo,
Tay cầm chiếc gậy bước chân mau!
99. Thấy gã đến gần, Sumukha,
Đứng lên ngay trước chúa thiên nga,
Hiên ngang khích lệ quân vương ấy,
Đầy nỗi lo trong bước sảy sa.
100. “Nga vương cao quý, chớ kinh hoàng,
Kinh hãi chẳng là cách đại vương,
Vớ lẽ công bằng, thần nỗ lực,
Khẩn cầu vớ lý luận khôn ngoan,
Bằng hành động hết lòng can đảm,
Lần nữa chúa công được thoát nạn.”

Sumukha an ủi Bồ-tát như vậy, rồi vừa đi đến bên người bầy chim vừa dùng tiếng người thật êm dịu hỏi:

– Nay hiền hữu, danh tánh của bạn là gì?

Y đáp:

– Nay chúa loài kim nga, ta có tên là Khemaka.

Sumukha đáp:

– Nay hiền hữu, đừng tưởng rằng chỉ một thiên nga tầm thường đã bị bắt vào bẫy lông ngựa của hiền hữu. Đó chính là chúa công Dhatarattha, lãnh tụ của chín mươi ngàn thiên nga đang bị mắc bẫy. Ngài thật là hiền trí, đức hạnh và đang sẵn sàng hòa giải. Ta sẽ làm bất cứ việc gì mà ngài phải làm cho hiền hữu. Ta cũng có sắc vàng ánh và ta muốn hy sinh thân mạng mình vì ngài. Nếu hiền hữu muốn nhỡ lông ngài, xin hãy nhỡ lông ta, hoặc nếu hiền hữu muốn làm việc gì khác với da, thịt, gân, xương của ngài, xin cứ lấy ra từ thân ta. Hơn nữa, giả sử hiền hữu muốn luyện ngài thành chim thuần, xin hãy luyện ta, bán ta lúc còn sống, hoặc nếu muốn kiếm tiền, xin hãy bán ta, chứ đừng giết ngài, vì ngài là bậc đầy đủ trí tuệ và đức hạnh như thế. Nếu hiền hữu muốn giết ngài, hiền hữu sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi địa ngục hoặc đọa xứ khổ cảnh tương tự!

Sau khi đe dọa kẻ bẫy chim bằng nỗi kinh hoàng địa ngục khiến y phải nghe lời khuyên dụ êm tai của mình, Sumukha lại đến gần đứng cạnh Bồ-tát và an ủi ngài. Gã bẫy chim nghe lời ấy, suy nghĩ: “Chỉ là một con chim như thế, nó lại có thể làm được những gì loài người không thể làm được. Vì loài người không chung thủy trong tình bằng hữu. Ôi, đây thật là một chim thần đầy trí tuệ và biện tài!” Toàn thân gã rung động với nỗi hoan lạc kỳ diệu, tóc gã dựng đứng vì kinh ngạc, gã làm rơi chiếc gậy và chấp hai tay lên trước trán như người kính lễ mặt trời. Gã đứng đó tuyên dương công hạnh của Sumukha.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

101. Người săn chim nọ đã nghe lời,
Chim ấy nói ra với biện tài,
Tóc dựng đứng lên, tay chấp lại,
Tôn sùng kính lễ trước chim trời.
102. Chưa được nghe hay thấy trước giờ,
Chim dùng tiếng nói của người ta,
Và bằng giọng lưỡi, chim tuyên thuyết,
Chân lý tối cao quả thật là!
103. “Với người, chim có họ hàng gì,
Khi cả đàn cùng chạy trốn đi,
Dù được tự do, người ở lại,
Bên chim bị bắt một mình kia?”

Khi nghe người bầy chim độc ác hỏi câu này, Sumukha suy nghĩ: “Kẻ ấy đã động lòng, ta muốn bày tỏ cho y thấy đức tính của ta để y hồi tâm thêm nữa.” Và chim ngâm kệ:

104. Hỡi cừu nhân của đàn thiên nga,
Ngài chúa công, ta đại tướng mà,
Ta chẳng bỏ ngài cho số phận,
Bình an đào thoát một mình ta.
105. Đừng để thiên nga chúa đại hùng,
Nơi đây phải chết thật đơn thân,
Bên ngài, hạnh phúc ta tìm thấy,
Ta được ngài như đáng chúa công.

Khi nghe lời thuyết giáo dịu dàng về cách nhận lãnh trách nhiệm của chim kia, người bầy chim tràn ngập hân hoan và lông tóc dựng đứng vì kinh ngạc, suy nghĩ: “Giả sử ta giết thiên nga chúa đây đủ đạo hạnh và mọi đức tính này, ta sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi bốn khổ hình. Vậy cứ để vua xứ Ba-la-nại muốn làm gì ta cũng mặc, ta sẽ trao chim mắc bẫy này như quà biếu không cho Sumukha và thả chim đi.” Gã liền ngâm kệ:

106. Người kính điều vương cao quý thay,
Vì người vẫn sống với chim này,
Hãy bay về chốn người chung sống,
Ta thả tự do hiền chúa ngay.

Nói vậy xong, người bầy chim đầy thiện ý đến gần Bồ-tát, uốn cây sào xuống, đặt chim chúa trên bùn và lại nhấc sào ra khỏi thông lọng. Sau đó gã kéo chim ra khỏi hồ, vừa đặt chim trên đám cỏ kusa non, gã vừa nhẹ tay tháo chiếc bẫy đã kẹp chân chim. Lòng gã dạt dào tình thân mến Bồ-tát và với từ tâm, gã lấy nước rửa sạch máu rồi chùi đi chùi lại nhiều lần. Nhờ uy lực của từ tâm ấy, gân dính liền gân, thịt liền thịt, da liền da, chân chim lại lành như trước, chẳng còn gì khác với chân kia, và Bồ-tát ngồi đó hân hoan thư thái vì được như xưa.

Sumukha thấy chim chúa hạnh phúc [dường nào] nhờ hành động của mình nên vô cùng hoan hỷ, nghĩ thầm: “Người này đã đem lại lợi ích cho ta, nhưng ta chưa làm gì cho y cả. Nếu y bắt ta và giao cho các triều thần, y sẽ được một số tiền lớn, và nếu y bắt ta cho chính y, y sẽ bán ta rồi thu lợi lớn. Ta muốn hỏi y đôi điều.” Như vậy, do lòng mong ước làm lợi ích cho gã, chim ngâm kệ hỏi:

107. Nếu vì mục đích của riêng tây,
Ông đã bắt ta, đặt bẫy này,
Ta được tự do ông trả lại,
Lòng không lo lắng, nghĩ suy đầy.

108. Song bằng không, quả thật to gan,
 Người bầy chim tha mạng điều vương,
 Mà chẳng vì ân vua phép nước,
 Hiên nhiên trộm cướp chẳng gì hơn.

Người bầy chim nghe vậy, bảo:

– Ta không bắt chim cho ta đâu, ta được Vua Saṃyama ở Ba-la-nại sai làm.

Rồi gã kể cho chim nghe toàn thể câu chuyện, từ lúc đầu hoàng hậu nằm mộng cho đến khi vua nghe có loài thiên nga đến và vua phán rằng: “Này hiền hữu Khemaka, hãy cố bắt một hai con thiên nga rồi trăm sẽ ban đại phú quý cho khanh!” và cấp lương thực cho gã lên đường.

Khi nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: “Người bầy chim này không kể gì đến kẻ sinh nhai của riêng mình, khi thả chúng ta ra là gây khó khăn cho y. Song nếu từ đây ta trở về đỉnh Cittakūṭa thì trí tuệ siêu phàm của thiên nga Dhataratṭha cũng như hành động vì tình bằng hữu của ta đều không được biểu lộ, người bầy chim cũng sẽ không hưởng đại phú quý, nhà vua cũng không được an trú vào ngũ giới và ước nguyện của hoàng hậu cũng không thành tựu.” Vì thế, chim ấy đáp:

– Này hiền hữu, nếu quả thật như vậy thì ông không thể để cho chúng ta đi. Hãy đưa chúng ta đến yết kiến vua và ngài sẽ đối xử với chúng ta tùy thích.

Chim ấy lại ngâm vãn kệ làm sáng tỏ vấn đề:

109. Ông là tôi tớ của quân vương,
 Ý nguyện ngài, ông phải vện toàn,
 Tùy thích Vua Saṃyama định đoạt,
 Với ta, đối xử hợp tâm can.

Nghe vậy, người bầy chim nói:

– Thưa các ngài, các ngài không nên mong ước diện kiến đức vua. Vua chúa quả thật là những người vô cùng nguy hiểm. Họ sẽ luyện các ngài thành chim thuần tính hoặc giết đi.

Sumukha liền đáp:

– Này hiền hữu bầy chim, đừng bận lòng vì chúng ta. Nhờ thuyết pháp, ta đã khiến cho một người độc ác như ông phát khởi từ tâm. Vậy sao ta không làm việc này với vua? Vua chúa đủ trí tuệ để hiểu lời chân thiện. Hãy mau đưa ta đến yết kiến vua. Ông đừng đem chúng ta đi như đôi chim mắc bẫy mà hãy đặt ta vào chiếc lồng hoa và đưa đi như vậy. Hãy làm chiếc lồng lớn phủ sen trắng cho thiên nga Dhataratṭha và lồng nhỏ hơn phủ sen đỏ cho ta, đặt ngài phía trước, ta phía sau, hơi thấp hơn một chút, rồi khấn cấp đưa ta đi yết kiến vua!

Khi nghe lời Sumukha, người bầy chim suy nghĩ: “Sumukha đến yết kiến đức vua chắc hẳn mong ta được đại vinh hiển.” Lòng vô cùng hoan hỷ, gã làm

đôi lông bằng các cành liễu mềm phủ hoa sen xong liền lên đường cùng với đôi chim theo cách đã miêu tả.

Bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

- 110.** Người săn chim nắm cả hai tay,
Trong lúc được nghe nói thế này,
Liền đặt vào lòng đôi ngỗng đỏ,
Sắc da vàng ánh đẹp như vậy.
- 111.** Bộ lông ngời sáng, chúa thiên nga,
Càng đẹp mắt trông với Sumukha,
Yên ổn trong lòng người đặt bấy,
Cầm lên cùng với ngỗng đi ra.

Ngay khi người bấy chim lên đường cùng với đôi ngỗng, chim chúa Dhatarattha chợt nhớ đến vương hậu của mình là công chúa của thiên nga vương Pāka; do lòng tham ái chi phối, chim chúa than thở với Sumukha.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 112.** Nga vương vừa mới được mang ra,
Liền nói như vậy với Sumukha:
“Vương hậu diễm kiều đầy quý tướng,
Bây giờ đang khổ não vì ta.
Nếu nàng nghe nói rằng ta chết,
Ta sợ đời nàng cũng phải sa.
- 113.** Như cò hương khóc bạn tình lang,
Đơn độc bên bờ vắng đại dương,
Rực rỡ, Suhemā⁷ da óng ả,
Sẽ còn thương tiếc mãi quân vương.”

Nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: “Thiên nga này, dù luôn sẵn sàng khuyên giáo kẻ khác, lại bị tham dục chi phối, tất cả chỉ vì chim mái nên cứ làm nhảm như nước đang sôi sùng sục, hoặc chẳng khác tiếng bầy chim từ bến bờ vụt lên rồi sà xuống mỏ lúa trên ruộng. Hay ta cố dùng trí tuệ nêu rõ cho ngài thấy những thói xấu của nữ giới và làm ngài tỉnh táo lại.” Rồi chim này ngâm kệ:

- 114.** Thiên nga vĩ đại, trí vô song,
Lãnh đạo anh minh của giống dòng,
Sao phải ưu phiền vì nữ giới,
Tỏ bày bao nhược điểm trong lòng.

⁷ Suhemā chỉ cho tên hoàng hậu thiên nga.

115. Như gió mang đi đủ thứ mùi,
Dù là thơm ngát hoặc tanh hôi,
Tham lam như trẻ thành mù quáng,
Ăn thức còn tươi hoặc chín rồi.
116. Không xét suy chân chánh việc làm,
Mê mờ, ngái chẳng thấy trên đàng,
Việc gì cần tránh, gì làm được,
Trong lúc sa cơ gặp hiểm nàn.
117. Hóa dại, ngái ca tụng má hồng,
Có đầy vẻ diễm lệ say lòng,
Tâm thường, tuy vậy là đa số,
Chẳng khác trà đình của túy ông.
118. Ưu phiền, bệnh tật với tai ương,
Như xích xiềng, gông, cực bạo tàn,
Ảo ảnh, dối gian và cạm bẫy,
Tử thần cất kín tận tâm can.
Nữ nhân đều thế, ai tin chúng,
Hạ liệt quả là nhất thế gian!

Lúc ấy, chúa chim Dhatarattha đang say mê nữ giới liền bảo:

– Hiền hữu không biết các đức tính của phái nữ, nhưng các bậc Hiền trí biết rõ, nữ giới không đáng bị chỉ trích đâu.

Rồi ngài giải thích qua các vần kệ:

119. Bậc Trí nhìn chân lý rõ ràng,
Còn ai khiển trách, dám phê bình?
Nữ nhân sinh ở trong trần thế,
Để hưởng đặc quyền với đại danh.
120. Nhi nữ sinh ra để cột đùa,
Tình yêu lạc thú được ban cho,
Hạt mầm nảy nở trong nhi nữ,
Nguồn gốc đời ta được hộ phò,
Từ đó nam nhân bùng nhíp thở,
Khó lòng khinh thị phái quần thoa.
121. Riêng khanh, Sumukha có tinh thông,
Cung cách dung nghi giới má hồng,
Xúc động hải kinh, khanh có thấy,
Trí này sáng suốt muôn màng không?
122. Khi một nam nhân gặp bất an,
Giữa tai biến chịu đựng can cường,

Trong cơn khủng hoảng, bao Hiền trí,
Cố sức cho ta được thoát nạn.

123. Quân vương muốn gặp bậc anh hùng,
Để có người khuyên nhủ hộ phòng,
Chống nổi kinh hoàng do nghịch cảnh,
Giải bày thích đáng cứu nguy vong.

124. Ta mong đầu bếp của hoàng gia,
Đừng nướng thân ta đã xác xơ,
Như trái cây tre thường giết mẹ,
Bộ lông vàng cũng giết đời ta.

125. Tự do, khanh chẳng muốn bay đi,
Tự nguyện giam cầm để cứu nguy,
Giờ phút hiểm nghèo, đừng nói nữa,
Hãy hoàn thành sứ mạng nam nhi!

Bằng cách tán tụng nữ giới, Bồ-tát đã làm cho Sumukha phải im lặng, nhưng khi thấy vị ấy buồn bức như vậy, ngài muốn hòa giải với bạn liên ngâm kệ này:

126. Gắng sức làm sao thật đúng thời,
Với công bằng biện hộ như lời,
Anh hùng hành động, xin hiền hữu,
Đem lại cho ta cả cuộc đời.

Lúc ấy, Sumukha suy nghĩ: “Ngài hết sức kinh hãi vì sợ chết, ngài không biết uy lực của ta. Sau khi yết kiến vua xứ Ba-la-nại và đàm đạo đôi điều với vua, ta sẽ biết cách hành động. Lúc này ta muốn an ủi đại vương của ta.” Rồi vị ấy ngâm vần kệ:

127. Nga vương cao quý, chớ kinh hoàng,
Kinh hãi chẳng là cách đại vương,
Với lẽ công bằng, thần nỗ lực,
Khẩn cầu với lý luận khôn ngoan,
Bằng hành động hết lòng can đảm,
Lần nữa chúa công được thoát nạn.

Trong lúc hai vị đang nói chuyện với nhau bằng tiếng chim như vậy, người bầy chim chẳng hiểu lời nào chim nói cả, cứ mang đôi chim trên đôi gánh đi vào thành Ba-la-nại. Gã được một đám đông theo sau vì tràn đầy thích thú, kinh ngạc trước cảnh kỳ dị kia, họ đưa hai tay lên trời với dáng điệu nguyện cầu. Khi đến hoàng môn, người bầy chim nhờ trình vua về việc gã đến châu.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 128.** Người săn chim đến cổng hoàng gia,
Tiến lại gần cùng gánh nặng kia:
“Trình tâu Đại vương, thần yết kiến,
Thưa rằng đây chính hiệu kim nga.”

Người canh cổng đi vào trình vua là y đã đến. Vua vô cùng hoan hỷ, phán:

– Cho phép y vào châu tức thì.

Rồi được triều thần vây quanh, vua ngự lên ngai vàng có lọng trắng che trên đầu, thấy Khemaka bước lên bệ với gánh nặng trên vai, vừa khi nhìn đôi thiên nga sắc vàng óng ả, vua phán:

– Ước nguyện của ta đã thành tựu.

Rồi vua truyền lệnh cho quần thần làm mọi việc xứng đáng để đền đáp lại người bẫy chim.

Bạc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 129.** Nhìn thấy đôi chim đáng thánh thần,
Tràn đầy quý tướng, đẹp vô ngần,
Vua Saṃyama ấy liền lên tiếng,
Cùng với lời trao các cận thần:
- 130.** “Ban gã săn chim thức uống ăn,
Loại mềm, y phục đẹp oai hùng,
Vàng ròng cả khối màu hồng đỏ,
Ban thật nhiều như dạ ước mong.”

Lòng vô cùng hân hoan, vua muốn bày tỏ nỗi thích thú của mình liền phán:

– Hãy đi trang điểm cho người bẫy chim rồi đưa y đến đây!

Thế là các triều thần đưa người bẫy chim ra khỏi cung, tỉa râu tóc cho y. Sau khi y đã tắm rửa, thoa dầu thơm và mặc y phục lộng lẫy, họ đưa y vào yết kiến vua. Lúc đó, vua ban cho y hai thôn làng hưởng lợi tức hàng năm một trăm ngàn đồng tiền, một cỗ xe do bảy ngựa thuần chủng kéo, một ngôi nhà rộng rãi đầy đủ tiện nghi cùng đại phú quý vinh hiển. Khi nhận được đại danh vọng như vậy, người bẫy chim tâu trình để giải thích những việc y đã làm:

– Tâu Đại vương, thần không dưng Đại vương loại thiên nga bình thường đâu. Đây chính là chúa tể của cả đàn chín mươi ngàn thiên nga, mệnh danh Dhataratṭha và đây là đại tướng Sumukha.

Sau đó, vua hỏi:

– Nay hiền hữu, làm sao khanh bắt được đôi chim ấy?

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vần đề:

131. Đại vương nhìn thấy kẻ đi săn,
Đẹp ý hân hoan mới phán rằng:
“Hồ ấy, Khema, đàn ngỗng đến,
Hàng ngàn con để kiếm đồ ăn.
132. Giữa cả đàn chim một giống dòng,
Làm sao khanh cố sức thi công,
Chọn ra chim chúa này kiêu diễm,
Và bắt thiên nga vẫn sống còn?”

Người săn chim đáp lời vua:

133. Bảy ngày ròng rã, dạ âu lo,
Thần đã hoài công đánh dấu hồ,
Tìm vết thiên nga này tuyệt đẹp,
Ẩn mình trong một cái lu to.
134. Hôm nay thần thấy bãi chim ăn,
Mà chính thiên nga đã đến gần,
Lập tức chỗ kia thần đặt bẫy,
Thiên nga phút chốc bị sa chân.

Khi nghe vậy, vua suy nghĩ: “Kẻ này lúc đứng ở cổng chỉ kể chuyện chim chúa Dhatarattha bay đến, và bây giờ y cũng chỉ nói về chim này thôi. Thế việc này có ý nghĩa gì?” và vua ngâm vần kệ:

135. Thợ săn trình chỉ một chim thôi,
Nhưng trăm thấy đầy đủ cả đôi,
Nhầm lẫn gì chẳng, khanh đến tặng,
Trăm đây thêm một chú chim trời?

Lúc ấy, người bẫy chim đáp:

– Tâu Đại vương, không có gì thay đổi trong ý định của thần và thần cũng không muốn dâng thiên nga thứ hai này cho ai cả. Hơn nữa, thần chỉ bắt được một con trong bẫy thôi.

Rồi y nói tiếp để giải thích:

136. Thiên nga có những sọc vàng hồng,
Tất cả đều vòng xuống dưới thân,
Đã bị bắt vào trong chiếc bẫy,
Thần dâng đây đúng lệnh Minh quân.
137. Chim tuyệt đẹp này được tự do,
Vẫn ngồi bên cạnh bạn sa cơ,
Dùng lời lẽ thể nhân êm dịu,
Cố sức làm cho bạn khỏi lo.

Theo cách này y tuyên dương đức hạnh của Sumukha:

– Ngay khi biết thiên nga Dhatarattha bị bắt, chim ấy ở lại an ủi bạn và khi thần đến gần, nó liền bay đến gặp thần, đứng giữa không gian vừa đàm luận vui vẻ với thần bằng tiếng người và nói rõ mọi đức hạnh của chim chúa Dhatarattha. Và sau khi đã làm cho lòng thần dịu lại như vậy, nó liền đến đứng trước bạn mình lần nữa. Tâu Đại vương, khi nghe tài hùng biện của Sumukha, thần đã được cảm hóa và thả chim Dhatarattha. Do vậy, việc thả chim Dhatarattha khỏi bẫy và việc thần đến đây với đôi chim này đều nhờ công Sumukha cả.

Khi nghe vậy, vua nóng lòng nghe Sumukha thuyết giáo, và trong khi người bấy chim vẫn đang cung kính đánh lễ vua thì mặt trời vừa lặn, đèn đuốc được thắp sáng, một số tướng lĩnh và nhiều người khác tụ họp lại. Hoàng hậu Khemā được đoàn nữ nhạc hộ tống đến ngự bên phải vua. Ngay lúc ấy vua muốn thuyết phục Sumukha cất tiếng nói liền ngâm kệ:

138. Sao ngươi im tiếng, hỡi thiên nga,
Ta đoán phải chẳng bởi sợ ta,
Đến trước quân vương, ngươi diện kiến,
Mà sao chẳng thốt một lời ra?

Nghe vậy, Sumukha đáp để chứng tỏ mình không sợ gì cả:

139. Ta chẳng sợ gì, tâu Đại vương,
Khi trao lời giữa chốn triều đường,
Nếu cơ hội tốt nào đi đến,
Ta quyết sẽ không tránh luận bàn.

Nghe vậy, vua mong ước làm chim ấy nói nhiều hơn liền ngâm kệ chê bai vị tướng chim:

140. Chẳng đoàn xạ thủ mặc quân bào,
Chẳng mao, chẳng da bảo hộ nào,
Không có tùy tùng người hoặc ngựa,
Cũng không xa, pháo để theo hầu.

141. Chẳng thấy vàng châu, chẳng thị thành,
Chẳng lâu đài tráng lệ quang vinh,
Tháp canh không có, phòng xâm phạm,
Với lũy hào bao bọc bản doanh,
Do tướng Sumukha xây dựng vậy,
Không gì đáng sợ ở bên mình.

Khi vua dùng cách này hỏi chim tại sao không kinh hãi, Sumukha liền đáp kệ:

142. Chẳng ai bảo vệ hoặc quân canh,
Chẳng muốn kim ngân hoặc thị thành,

Giữa chốn không gian, ta kiếm lối,
Vân du khắp cả cõi trời xanh.

143. Nếu ngài an trú lý như chân,
Ta ước mong tuyên thuyết, Đại vương,
Bài học giúp cho ngài lợi lạc,
Bằng lời tinh tế lại khôn ngoan.

144. Song nếu Đại vương chỉ dối gian,
Một người tâm tính thật tồi tàn,
Lời người đặt bẫy này hùng biện,
Chẳng ích gì cầu khẩn Đại vương.

Nghe vậy, vua liền đáp:

– Tại sao người dám bảo trẫm lừa dối tồi tàn? Thế trẫm đã làm gì chẳng?

Sumukha liền đáp:

– Vậy Đại vương hãy nghe đây!

Và chim nói như sau:

145. Nghe lời các vị Bà-la-môn,
Ngài dựng hồ lạc lấy lòng,
Và đã truyền rao khắp thập hướng,
An toàn đây chỗ của chim muông.

146. Trong chốn hồ này thật tịnh thanh,
Các dòng nước phẳng lặng trong xanh,
Chim muông thấy thức ăn phong phú,
Sống cuộc đời an ổn trọn lành.

147. Nghe tiếng đồn này vọng thật xa,
Chúng ta thăm cảnh đẹp hoàng gia,
Than ôi! Mắc bẫy, ta tìm thấy,
Lời hứa quân vương hóa phỉnh phờ.

148. Song lời dối trá khéo bao che,
Hành động tham lam, tội lỗi kia,
Chẳng tái sinh thiên, người thế tục,
Thẳng đường địa ngục sẽ đưa về.

Như vậy, ngay giữa triều thần, chim đã làm vua phải hổ thẹn. Sau đó, vua phán:

– Nay Sumukha, trẫm không bắt người để giết và ăn thịt đâu, song nghe tiếng người thông tuệ biết bao nên trẫm muốn tận tai nghe người hùng biện đây thôi.

Rồi vua ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

149. Sumukha, trẫm chẳng phạm sai lầm,
Trẫm chẳng bắt chim bởi dục tâm,
Đây chính nguyên nhân gây việc ấy,
Danh người thông tuệ, trí cao thâm.

150. “Nơi đây chắc hẳn chúng nêu ra,
Chân thật, những lời ích lợi ta”,
Nên kẻ bẫy chim, ta hạ lệnh,
Dem người về đó, hỡi thiên nga!

Nghe thế, Sumukha đáp:

– Tâu Đại vương, ngài đã hành động sai lầm.

Và chim ngâm các vần kệ sau:

151. Ta chẳng thể tuyên thuyết thật chân,
Khi ta kinh hãi chết kẻ gần,
Cũng không hít thở hơi từ già,
Hấp hối phút giây của tử thần.

152. Ai muốn lấy chim để bẫy mồi,
Săn mồi bằng thú dữ tìm tòi,
Pháp sư đánh bẫy bằng bài giảng,
Kẻ ấy không sao khỏi họa rồi.

153. Ai buông lời lẽ thật cao sang,
Dự định hành vi hạ liệt tràn,
Thì ở đời này, đời kế nữa,
Sa từ hạnh phúc đến đau buồn.

154. Đừng say sưa quá phút vinh quang,
Cũng chớ khổ đau lúc hiểm nạn,
Hãy sửa lỗi lầm thành tốt đẹp,
Hết lòng phấn đấu trước tai ương.

155. Bậc Trí đến khi cuối cuộc đời,
Đã nhìn thấy đích tử thần rồi,
Sống trên trần đúng đường chân chánh,
Theo hướng đi lên đến cõi trời.

156. Nghe những lời này, giữ chánh chân,
Mau mau giải phóng, hỡi Minh quân,
Dhatarattha ấy là chim chúa,
Tuyệt thế thiên nga giữa cả đàn.

Nghe vậy, vua phán:

157. Mau hãy đi tìm nước rửa chân,
Dem vào đây cả chiếc kim đòn,

Hãy nhìn trầm thả từ lòng ấy,
Tối thượng thiên nga ở cõi trần.

158. Cùng bậc anh hùng đại tướng quân,
Thật là tài giỏi lại tinh thông,
Dầu khi hoạn nạn hay vinh hiển,
Đều dạy thiết thân với chúa công.

159. Bậc chân chánh ấy xứng uy danh,
Theo bước chúa công suốt lộ trình,
Vì đã sẵn sàng trang bị đủ,
Với vua chia sẻ tử cùng sinh.

Nghe lời vua phán, quan hầu đem bảo tòa đèn mời đôi chim. Hai vị đậu ở đó rửa chân với nước hoa và thoa dầu thơm đã được lọc cả trăm lần.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề:

160. Chim chúa ngự trên một chiếc ngai,
Tám chân ngời chói, đặc vàng thoi,
Bên ngoài có lụa Kāsi phủ,
Quang cảnh này trông thật tuyệt vời.

161. Sumukha ngồi bên cạnh điều vương,
Tướng công trung tín lại can cường,
Ở trên bảo tòa trùm da hổ,
Tất cả đều nguyên cả khối vàng.

162. Nhiều chúa Kāsi đựng chén vàng
Chọn đầy thực phẩm đủ cao lương,
Mang vào mời cặp thiên nga ấy,
Tặng vật cúng dâng của Đại vương.

Khi thực phẩm được đem thiết đãi hai vị như thế, vua xứ Kāsi muốn đích thân đón tiếp hai vị liền tự tay lấy chén vàng mời khách. Hai vị thưởng thức mật ong, gạo rang và uống rượu đường. Sau đó, Bồ-tát nhận thấy cung cách vua thiết đãi thật ân cần như vậy liền đàm đạo thân mật với vua.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

163. Nghĩ thâm lễ vật thật cao sang,
Chúa tể Kāsi đã cúng dường?
Thông hiểu triều nghi nên ngỗng chúa,
Như vậy cất tiếng hỏi quân vương.

[Thiên nga:]

164. Đại vương, ngọc thể có khang an,
 Vạn sự Đại vương thấy vẹn toàn,
 Quý quốc hẳn là đang thịnh vượng,
 Được ngài cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

165. Nga vương, trăm vẫn được khang an,
 Vạn sự trăm đây được vẹn toàn,
 Bốn quốc hiện giờ rất thịnh vượng,
 Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

166. Ngài có triều thần thật chánh chân,
 Biết khuyên nhủ chúa chẳng sai lầm,
 Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
 Vì chánh nghĩa và danh Chúa công?

[Quân vương:]

167. Trăm có triều thần thật chánh chân,
 Biết khuyên nhủ trăm chẳng sai lầm,
 Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
 Vì chánh nghĩa và danh quả nhân.

[Thiên nga:]

168. Phải chăng hoàng hậu cũng chung dòng,
 Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
 Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
 Vâng chiều mọi thánh ý Minh quân?

[Quân vương:]

169. Trăm nay có chánh hậu chung dòng,
 Lời lẽ ôn nhu biết phục tòng,
 Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
 Vâng chiều mọi ý trăm cầu mong.

[Thiên nga:]

170. Và nay quốc độ lạc an chẳng,
 Thoát được bao đàn áp bạo tàn,
 Chẳng chịu độc tài chuyên chế trị,
 Hưởng nền cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

171. Ngày nay vương quốc trăm bình an,
 Thoát được bao đàn áp bạo tàn,
 Chẳng chịu độc tài chuyên chế trị,
 Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

172. Có xua ác đảng khỏi giang san,
Đưa các thiện nhân đến về vang?
Ngài có tránh xa điều chánh trực,
Hoặc theo đường lối bọn tà gian?

[Quân vương:]

173. Trẫm xua ác đảng khỏi giang san,
Đưa các thiện nhân đến về vang;
Trẫm quyết tránh xa bao ác hạnh,
Và theo đường lối bậc Hiền lương.

[Thiên nga:]

174. Đại vương có thấy quăng đời mình,
Đã vụt trôi qua thật quá nhanh,
Hay mãi say sưa vì vọng tưởng,
Nhìn thấy đời sau chẳng hải kinh?

[Quân vương:]

175. Thiên nga, trẫm thấy quăng đời mình,
Đã vụt trôi qua thật quá nhanh,
Nên vẫn hành trì mười giới hạnh,
Chẳng hề kinh hải cồi lai sinh.
176. Bồ thí, ăn năn, trí chánh chân,
Ôn nhu, hiền dịu, chuộng bình an,
Từ bi, nhẫn nhục, đầy thân ái,
Đạo đức không ô nhiễm bụi trần.
177. Những điều đức hạnh tận tâm can,
Vững chắc vược lên thấy rõ ràng,
Từ đó nảy sinh nguồn hạnh phúc
Hân hoan cho trẫm, quý muôn vàn.
178. Song dù Sumukha chẳng hề hay,
Tội ác trẫm đâu có phạm này,
Vẫn cứ vô tình tuôn xối xả,
Những lời thô lỗ, giọng nồng cay.
179. Ta chẳng biết chi các việc này,
Chim kia đổ trách nhiệm làm đây,
Nói năng thô lỗ nên ta nghĩ,
Trí tuệ yếu non đã hiển bày.

Khi nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: “Vị vua đức hạnh này đang phần nộ vì ta đã khiển trách ngài. Rồi ta sẽ xin ngài tha thứ.” Rồi chim ấy ngâm kệ:

180. Thần đã lỗi lầm với Đại vương,
Nói năng bừa bãi, thật điên cuồng,
Song khi chim chúa này lâm nạn,
Lòng của hạ thần tựa nát tan.

181. Như đất chứa đầy mọi chúng sinh,
Như người cha đối với con mình,
Đại vương, xin rộng lòng tha thứ,
Lỗi chúng thần đây phạm đã đành.

Lúc ấy, vua liền nâng chim lên ôm vào lòng và đặt chim trên một kim đôn.
Vua chấp nhận lời thú nhận lỗi lầm kia và phán:

182. Trẫm cảm ơn Sumukha tướng quân,
Khanh không hề giấu tính chơn thuần,
Khanh làm nhụt chí ta cương quyết,
Trẫm thấy khanh cương trực, thật chân.

Cùng với những lời này, vua hết sức hoan hỷ về bài thuyết pháp của Bồ-tát và lời lẽ cương trực của Sumukha liền suy nghĩ: “Khi ta hoan hỷ, ta phải hành động để bày tỏ niềm hoan hỷ của ta.” Rồi muốn nhường cảnh vinh hiển của mình cho đôi chim, vua phán:

183. Những gì châu báu với kim ngân,
Bảo vật, ngọc trai, hoặc ngọc hồng,
Ở tại Kāsi thành của trẫm,
Trữ trong kho báu chốn hoàng cung.

184. Đồng, sắt, vỏ sò với ngọc trai,
Bảo châu vô số, đám ngà voi,
Gỗ chiên-đàn quý màu vàng ánh,
Y phục cao sang, da hổ, nai,
Tất cả kho tàng, quyền trị nước,
Trẫm xin ban tặng hết cho ngài.

Cùng với những lời trên, vua làm vinh dự đôi chim bằng chiếc lọng trắng và trao vương quốc cho đôi chim. Sau đó, Bồ-tát ngâm kệ đàm đạo với vua:

185. Ngài muốn làm vinh dự chúng thần,
Xin hãy vui lòng, tấu Đại quân,
Làm đạo sư cho thần học hỏi,
Mười điều vương pháp để an dân.

186. Rồi nếu chúng thần được Đại vương,
Chuẩn phê đồng ý, lạc an trần,
Chúng thần xin phép ngài từ biệt,
Và trở về thăm viếng họ hàng.

Vua cho phép đôi chim ra đi và trong khi Bồ-tát còn đang thuyết pháp, mặt trời đã mọc.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề:

187. Kāsi chúa tể suốt đêm thâu,
Chìm đắm trong tư tưởng thật sâu,
Sau đó vua bằng lòng chấp thuận,
Theo lời vương điều ấy yêu cầu.

Khi đã được vua cho phép từ già, Bồ-tát lại nói:

– Xin Đại vương tỉnh giác và trị nước chân chánh.

Và ngài an trú vua vào ngũ giới. Vua ban hai vị bấp rang với mật ong và nước đường trong đĩa vàng. Khi hai vị đã dùng bữa ăn xong, vua cung kính dâng hai vị các hoa thơm và nhiều lễ vật khác, rồi tự tay nâng Bồ-tát lên trong chiếc lồng vàng và Hoàng hậu Khemā nâng Sumukha lên. Khi mặt trời mới mọc, vua và hoàng hậu mở cửa sổ và nói:

– Xin các Tôn giả hãy ra đi!

Rồi hai vị tháo lồng thả đôi chim ra.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ giải thích vấn đề:

188. Cũng vừa lúc ấy mặt trời lên,
Ngày tỏa sáng dần mất bóng đêm,
Phút chốc đôi chim vừa khuất bóng,
Trong vùng sâu thẳm của thanh thiên.

Bồ-tát là một trong đôi chim bay ra khỏi lồng vàng đứng trên không và bảo:

– Xin Đại vương chớ lo âu, phải luôn tỉnh giác và an trú vào giáo pháp của ta!

Ngài an ủi vua như vậy rồi cùng Sumukha bay về thẳng đỉnh Cittakūṭa. Chín mươi ngàn thiên nga kia cất cánh bay ra khỏi Kim động, tụ tập trên cao nguyên và khi thấy hai vị đến, chúng ra nghênh tiếp và hộ tống hai vị về nhà. Như vậy, hai vị được cả đàn chim quyến thuộc đưa về tận cao nguyên Cittakūṭa.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ vấn đề:

189. Nhìn chủ tướng chim được vạn an,
Trở về từ cõi chết nhân gian,
Đàn chim vỗ cánh kêu âm ỉ,
Chào đón chúa chim lại họp đàn.

190. Vây quanh chúa tể chúng tôn sùng,
Tin tưởng, giờ đây đàn ngỗng hồng,

Kính cẩn nghiêng mình chào chúa tể,
Hân hoan vì chúa được an thân.

Trong khi hộ tống chúa chim, bầy thiên nga hỏi ngài:

– Tâu Đại vương, làm thế nào ngài thoát nạn?

Bồ-tát kể cho chúng nghe ngài thoát nạn nhờ Sumukha giúp đỡ và các hành động của Vua Saṃyama cùng triều thần.

Nghe vậy, bầy thiên nga hân hoan ca ngợi các vị:

– Vạn tuế đại tướng Sumukha của chúng ta! Vạn tuế Đại vương và người bấy chim! Cầu mong các vị được hạnh phúc và thoát khỏi khổ đau!

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

191. Ai có từ tâm ắt đạt thành,
Việc gì các vị ấy thi hành,
Như thiên nga trở về bằng hữu,
Lần nữa, đôi chim được trọn lành.

Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện tiểu thiên nga*.⁸

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, người bấy chim là Channa (Xa-nặc), Hoàng hậu Khemā là Tỷ-kheo-ni Khemā (Thái Hòa), vua là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sumukha là Ānanda (A-nan), đoàn tùy tùng của vua là các đệ tử Như Lai và chúa thiên nga Dhatarattha chính là Ta.

§535. CHUYỆN THỰC PHẨM THIÊN GIỚI

(*Sudhābhojanajātaka*)⁹ (J. V. 382)

Ta không phải kẻ bán buôn rong...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) liên hệ đến một Tỷ-kheo có tâm bố thí hào phóng.

Tương truyền vị ấy là một người thuộc dòng dõi quý tộc ở tại Sāvatti (Xá-vệ), sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp đã xin quy y và sống đời tu hành. Khi đã viên mãn giới đức và đầy đủ đạo hạnh của người xuất gia, lòng tràn ngập thân ái đối với các bạn đồng tu, mỗi ngày ba lần ông nhiệt tâm phụng sự Phật, Pháp, Tăng, gương mẫu trong đức hạnh và chuyên cần bố thí. Để thành tựu pháp hòa ái, bất cứ vật gì nhận được, ông đều bố thí cả, bao lâu còn người nhận, cho đến khi ông chẳng còn gì để ăn.

⁸ Xem J. V. 334, *Cullahaṃsajātaka* (Chuyện tiểu thiên nga), số §533.

⁹ Xem J. IV. 187, *Kosiyajātaka* (Chuyện phú ông keo kiệt Kosiya), số §470.

Ý nguyện bố thí và sự chuyên tâm bố thí của ông được đồn đại khắp Tăng chúng. Vì vậy, một hôm, câu chuyện bắt đầu trong pháp đường về một Tỷ-kheo có tâm hào phóng và chuyên bố thí đến độ dù chỉ nhận được nước uống vừa đủ trong lòng bàn tay, ông cũng đem cho các bạn đồng tu với tâm ly tham. Ý nguyện của vị ấy chẳng khác gì một vị Bồ-tát. Với thiên nhĩ thông, bậc Đạo sư nghe được chuyện Tăng chúng đang nói liền bước ra khỏi hương phòng của Ngài, đến gần và hỏi Tăng chúng đang bàn luận chuyện gì. Khi các vị đáp chuyện như vậy, như vậy, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, ngày xưa, vị Tỷ-kheo này không hề hào phóng, trái lại ông ấy keo kiệt đến độ không thể cho một giọt dầu trên ngọn cỏ. Vì vậy, Ta đã giáo hóa, khiến ông ấy biết hy sinh bản thân và bằng cách tán thán các công đức bố thí, Ta đã an trú ông vào hạnh bố thí. Cho nên khi nhận được nước chỉ vừa đủ trong lòng bàn tay, ông cũng nói: “Ta không muốn uống một giọt nào mà không cho bớt đôi chút.” Rồi ông nhận được một điều ước Ta ban cho và kết quả của việc bố thí kia là ông ấy có tâm hào phóng và chuyên bố thí.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một gia chủ giàu có, gia sản đến tám trăm triệu đồng và vua ban cho ông chức giữ ngân khố. Được vua ban vinh hiển như thế và được dân chúng vô cùng trọng vọng, một hôm ông suy xét về cảnh thịnh vượng của đời mình liền suy nghĩ: “Cảnh vinh quang này ta đạt được không phải do lười biếng hay các ác nghiệp trong đời trước mà là do thành tựu các công đức. Vậy ta cần phải lo liệu cho cuộc sống tương lai thật vững chắc!” Vì thế, ông đến yết kiến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, trong nhà hạ thần có kho báu trị giá tám trăm triệu đồng, xin Đại vương nhận lấy từ hạ thần.

Vua đáp:

– Trẫm không cần tài sản của khanh, trẫm đã có nhiều tài sản rồi, vậy cứ lấy của cải làm việc gì tùy thích.

Ông thưa:

– Tâu Đại vương, hạ thần có thể đem tiền để bố thí chăng?

Vua phán:

– Cứ làm như khanh muốn.

Ông liền ra lệnh xây sáu bố thí đường, mỗi ngôi ở mỗi cổng thành, một ngôi ở giữa thành phố và một ngôi ở cổng nhà mình rồi mỗi ngày đem chi tiêu sáu trăm ngàn đồng tiền, ông bắt đầu làm đại sự bố thí. Trong lúc sinh thời, ông chuyên bố thí và dạy bảo các con: “Hãy cố chăm lo để đừng gián đoạn truyền thống bố thí này của cha!” Đến lúc mạng chung, ông tái sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích).

Con trai ông cũng bố thí như vậy và tái sinh làm Canda (Nguyệt thần), con của Canda là Suriya¹⁰ (Nhật thần), con của Suriya là Mātali (thần lái thiên xa) và con của Mātali là Pañcasikha (Ngũ Kế nhạc thần).

Bấy giờ, con trai của Pañcasikha, cháu thứ sáu trong dòng ấy, là người thủ kho tên là Maccharikosiya¹¹ (triệu phú keo kiệt), tài sản vẫn còn cả tám trăm triệu nhưng ông ta nghĩ: “Tổ tiên ta thật khờ dại. Các vị ấy đã ném bỏ tài sản do công khó góp nhặt, còn ta sẽ giữ gìn kho báu. Ta quyết không cho ai cái gì cả.”

Ông liền phá hủy và đốt rụi các bố thí đường rồi trở thành kẻ keo kiệt kinh niên. Vì thế, những người hành khát tụ tập trước cổng nhà ông, chìa tay ra và kêu lớn:

– Thưa đại quan thủ kho, xin ngài đừng bỏ tục cổ truyền của tổ tiên, xin ngài hãy bố thí!

Khi nghe vậy, dân chúng khiển trách ông và bảo:

– Vị triệu phú biển lận này đã bỏ đi truyền thống gia đình.

Ông hồ thẹn, bảo canh giữ để ngăn những người hành khát đứng ở cổng nhà ông, vì thế họ vô cùng khôn đốn cơ cực, không còn để mắt vào cổng ấy nữa. Từ đó, ông tiếp tục cuốn tiền lại để cất, chứ không hưởng thụ phần mình, cũng không chia với vợ con. Ông sống bằng cơm gạo đồ dụn với tương chua, mặc áo quần vải thô, chỉ gồm toàn sợi lầy từ rễ và thân cây dâu, che đầu bằng dù lá, đi chiếc xe cũ ọp ẹp do đôi bò tồi tàn kéo. Như vậy, tất cả tiền bạc của con người độc ác này chẳng khác gì con chó nhặt được quả dừa.

Một hôm, khi sắp vào châu vua, ông nghĩ nên đưa vị phó thủ kho đi cùng, và khi đến gần nhà vị kia, ông thấy vị phó thủ kho đang ngồi giữa vợ con ăn cháo gạo nấu với đường mịn, bơ tươi và mật ong. Khi thấy Maccharikosiya, vị ấy đứng dậy bảo:

– Xin mời Đại quan thủ kho vào ngồi trên sàng tọa này và ăn cháo gạo cùng tiểu đệ.

Vừa trông thấy cháo gạo, miệng ông đã chảy nước miếng và muốn ăn ngay, nhưng ông chợt suy nghĩ: “Nếu ta ăn một chút cháo thì khi vị phó thủ kho đến nhà, ta phải đáp lại lòng hiếu khách của y và như vậy là sẽ tiêu phí tiền của. Ta không muốn ăn đâu.” Sau đó, bị nài ép mãi, ông vẫn từ chối và bảo:

– Ta đã ăn rồi, ta no lắm!

Song suốt buổi vị phó thủ kho ăn cháo, ông cứ ngồi nhìn và chảy nước miếng, rồi khi xong bữa, ông cùng vị ấy vào cung.

Khi về nhà, lòng ông tràn ngập nỗi thèm ăn cháo gạo nhưng lại nghĩ: “Nếu ta nói ta muốn ăn cháo gạo, nhiều người cũng sẽ muốn ăn theo và sẽ tiêu phí một số gạo giã trắng. Thôi ta chẳng muốn nói một lời với ai.” Vì thế, suốt đêm

¹⁰ Bản CST viết Sūriya.

¹¹ Bản CST viết Macchhariyakosiyā.

ngày, ông cứ miên man suy nghĩ không gì khác ngoài cháo, nhưng vì sợ tổn tiền nên không nói với ai mà chỉ ráng chịu đựng. Tuy thế, không thể nào chịu đựng mãi được chuyện ấy, ông dần trở nên xanh xao và do sợ tiêu phí của cải, ông không nói với ai và dần dần ông kiệt sức phải nằm liệt giường. Lúc ấy, vợ ông đến thăm, lấy tay vỗ vào lưng ông và hỏi:

– Phu quân có bệnh chẳng?

Ông kêu to:

– Bà bệnh ấy chứ, ta khỏe lắm mà!

– Phu quân xanh xao lắm. Phu quân có điều gì lo nghĩ? Đức vua không đẹp ý hay các con đối xử bất kính với chàng? Hay chàng thèm muốn vật gì chẳng?

– Phải, ta đang thèm muốn.

– Phu quân nói cho thiếp biết với.

– Bà có giữ kín miệng được chẳng?

– Được lắm, thiếp sẽ giữ kín mọi điều thèm muốn cần được giữ kín.

Nhưng dù vậy, do sợ tiêu phí của cải, ông không có can đảm nói với vợ, nhưng sau bị bà thúc giục mãi, ông đáp:

– Nay bà, hôm kia ta thấy vị phó thủ kho ăn cháo gạo nấu với đường mịn, bơ tươi và mật ong, từ đấy, ta cứ thèm ăn loại cháo như vậy.

– Thiếp sẽ nấu cháo gạo cho cả dân thành phố Ba-la-nại ăn mà.

Lúc ấy, ông cảm thấy như bị ai đánh cái gậy vào đầu, ông nổi cơn thịnh nộ với vợ và nói:

– Ta dư biết bà giàu có lắm. Nếu ở nhà bà thì bà tha hồ nấu cháo và cho cả thành phố ăn.

– Thế thì thiếp sẽ nấu vừa đủ cho dân cả một khu phố ăn thôi.

– Bà có liên hệ gì với chúng cơ chứ? Mặc chúng ăn thứ gì chúng có.

– Thế thì thiếp sẽ nấu đủ cho bảy gia đình chọn rải rác đâu đó.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho gia nhân trong nhà này thôi.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho gia đình ta thôi.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho phu quân và thiếp thôi.

– Ôi kìa, bà là ai chứ? Trường hợp bà cũng không được đâu.

– Vậy thiếp chỉ nấu cho một mình phu quân thôi.

– Xin bà đừng nấu cho ta. Nếu bà nấu trong nhà, nhiều người sẽ thấy. Chỉ cần cho ta một đấu gạo giã trắng, một góc tư lít sữa, một cân đường, một hũ mật ong, một cái nồi, ta sẽ đi vào rừng nấu cháo và ăn.

Bà vợ làm như vậy. Ông bảo một gia nô đem tất cả những thứ ấy và ông ra lệnh gia nô đến đứng ở nơi kia. Sau khi bảo gia nô đi khuất, một mình ông trùm kín người, giả dạng đi đến đó và cạnh bờ sông gần bụi rậm, ông bảo làm cái lò, đem củi và nước cho ông, rồi dặn kẻ gia nô:

– Đi ra đứng ở đường kia, nếu chú thấy ai hãy ra hiệu cho ta và khi ta gọi, chú hãy đến!

Bảo tên gia nô đi xong, ông nhóm lửa và nấu cháo. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka đang chiêm ngưỡng kinh thành tráng lệ của chư thiên rộng mười ngàn do-tuần, con đường lát vàng dài sáu mươi do-tuần, điện Vejayanta (Tối Thắng) cao một ngàn do-tuần, Thiện Pháp đường bao quát năm trăm do-tuần, chiếc ngai hoàng thạch rộng sáu mươi do-tuần, chiếc lọng trắng với cành hoa vàng chu vi năm do-tuần và bản thân ngài được một đoàn tùy tùng thật huy hoàng gồm hai mươi lăm triệu thiên nữ.

Vừa chiêm ngưỡng mọi cảnh vinh quang này, ngài vừa suy nghĩ: “Ta đã làm gì để đạt đến vinh quang này?” Rồi ngài thấy hạnh bố thí mà ngài đã tạo nên trong thời làm quan thủ kho tại Ba-la-nại và suy nghĩ: “Thế nay các con cháu ta tái sinh ở cõi nào?” Vừa xem xét vấn đề ấy, ngài vừa nói: “Con trai Canda của ta tái sinh làm thiên tử và con trai nó là Suriya.” Khi để ý đến việc tái sinh của tất cả con cháu, ngài kêu lên: “Thế số phận con trai của Pañcasikha thì sao?” Quan sát kỹ, ngài thấy truyền thống dòng dõi đã bị phá hủy và ý tưởng này chợt đến với ngài: “Tên hà tiện độc ác này chẳng hưởng tài sản cũng chẳng cho ai cả. Truyền thống gia tộc đã bị nó phá hoại. Khi chết, nó sẽ tái sinh vào địa ngục. Bằng cách thuyết giáo cho nó và tái lập truyền thống gia đình, ta sẽ chỉ cho nó con đường tái sinh thiên giới.”

Vì thế, ngài triệu tập Canda và các vị kia rồi bảo:

– Nay, ta sẽ giáng trần. Truyền thống gia đình ta đã bị Maccharikosiya phá hủy, các bố thí đường đã bị đốt sạch và nó chẳng hưởng thụ tài sản cũng chẳng cho ai cả. Song giờ đây nó đang thèm ăn cháo gạo và suy nghĩ: “Nếu nấu cháo trong nhà thì cháo phải được đem cho người khác” nên nó vào rừng và nấu cháo một mình. Chúng ta sẽ đi giáo hóa nó và dạy nó hiểu kết quả của bố thí. Song nếu tất cả chúng ta đồng thời xin nó cho cháo gạo, nó sẽ ngã lăn đùng ra chết tại chỗ. Vậy ta sẽ đi trước và khi ta đã xin nó cháo rồi ngồi xuống, các khanh hãy đến, lần lượt từng vị giả dạng Bà-la-môn xin cháo!

Nói vậy xong, ngài giả dạng một Bà-la-môn đến gần người triệu phú và kêu to:

– Nay, đường nào đi đến Ba-la-nại?

Maccharikosiya đáp:

– Lão có mắt trí không đây? Lão không biết cả con đường đến Ba-la-nại ư? Tại sao lão đến đường này? Hãy từ đây mà đi ra!

Sakka giả vờ không nghe ông nói, cứ tiến gần hỏi ông nói gì. Thế rồi, ông ta hét lên:

– Này, Bà-la-môn điếc đặc kia, ta bảo tại sao lão đến đường này? Hãy đi ra đường kia!

Sakka đáp lại:

– Tại sao ông hét to thế? Ta thấy đây có khói và lửa, cháo gạo lại đang sôi, chắc là dịp thiết đãi các Bà-la-môn đầy mà. Khi các Bà-la-môn được mời ăn, ta cũng muốn hưởng đôi chút. Tại sao ông xua ta đi?

– Ở đây chẳng đãi tiệc Bà-la-môn nào cả. Lão hãy cút đi!

– Thế tại sao ông nổi giận như vậy? Khi ông dùng bữa, tôi muốn xin một chút.

Lúc ấy, ông ta đáp:

– Ta chẳng muốn cho lão dù chỉ một miếng cháo. Món ăn hiểm hoi này chỉ vừa đủ nuôi sống ta thôi và đây cũng do ta đi xin. Lão hãy đi kiếm đồ ăn nơi khác!

Ông ta nói vậy là muốn nhắc đến việc đã xin vợ phần gạo ấy và ngâm kệ:

192. Ta không phải kẻ bán buôn rong,
Không của cho vay hoặc biếu không,
Chút cháo thí này rất khó kiếm,
Chẳng vừa dọn đủ cả ta, ông!

Nghe vậy, Thiên chủ Sakka đáp:

– Ta cũng sẽ lấy giọng ngọt như mật ngâm kệ đáp lễ ông đây, hãy lắng nghe ta!

Rồi ông cố ngăn ngại và bảo:

– Kệ đối với ta thật chẳng có nghĩa lý gì!

Thiên chủ Sakka vẫn ngâm đôi vần kệ:

193. Của ít cũng nên bố thí mà,
Của vừa cũng phải lấy cho vừa,
Của nhiều càng phải cho nhiều nữa,
Không thí, vấn đề chẳng đặt ra.

194. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Sau khi nghe ngại nói, ông đáp:

– Này Bà-la-môn, đây là một lời nói nhân từ của lão, thôi để khi cháo chín, lão sẽ được ăn một chút. Hãy ngồi xuống đây!

Sakka ngồi xuống một bên. Khi ngài vừa ngồi, Canda theo cách này đến gần và bắt đầu nói chuyện như vậy, dù ông ta cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm đôi vần kệ:

195. Nào có ích chi lễ tế thần,
Hoài công ước vọng ở trong tâm,
Nếu ông ăn cháo và không muốn,
Cho thực khách đây một ít phần.

196. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bồ thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bồ thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Sau khi nghe vị ấy nói, kẻ hà tiện miễn cưỡng bảo:

– Thôi được, hãy ngồi xuống, ông cũng sẽ được một ít cháo!

Vị ấy liền đến ngồi cạnh Sakka. Sau đó, Suriya cũng theo cách này đến gần và bắt đầu nói chuyện như vậy, mặc dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị ấy vẫn ngâm đôi vần kệ:

197. Chân thật ông dâng lễ tế thần,
Chẳng hoài công ước nguyện trong tâm,
Nếu ông không một mình ăn cháo,
Mà biếu khách đây một ít phần.

198. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bồ thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bồ thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Nghe lời này, kẻ hà tiện lại càng thêm miễn cưỡng bảo:

– Thôi được, cứ ngồi xuống và lão sẽ được một ít cháo!

Suriya đến ngồi cạnh Canda. Lúc ấy, Mātali theo cách trên cũng đến gần và bắt đầu nói chuyện. Mặc dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm kệ:

199. Hồ, lạch Gayā chảy xiết dòng,
Ai đem dâng lễ cúng chư thần,
Đến Timbaru hoặc Doṇa ấy,
Sóng nước trôi nhanh lớp chập chùng.

200. Hưởng kết quả do dâng lễ vật,
Đạt thành ước nguyện ở trong lòng,

Nếu không ngồi một mình ăn cháo,
Mà biếu khách đây một ít phần.

201. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bồ thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bồ thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Nghe lời này, ông bối rối như thể có đỉnh núi đè nặng lên, ông miễn cưỡng nói:

– Thôi được, cứ ngồi xuống, lão sẽ được một ít!

Mātali đến ngồi cạnh Suriya. Sau đó, Pañcasikha cũng theo cách trên đến gần và bắt đầu nói chuyện, dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm đôi vần kệ:

202. Như cá tham ăn vội nuốt mau,
Miếng mồi buộc ở chiếc cần câu,
Người ngồi riêng biệt và ăn cháo,
Khi có khách này kề cận sao?

203. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bồ thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bồ thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Maccharikosiya nghe vậy, khổ sở rên rỉ:

– Thôi được, cứ ngồi xuống, lão sẽ được ăn một chút!

Pañcasikha liền đến ngồi cạnh Mātali. Khi năm vị Bà-la-môn đều an tọa, cháo cũng đã chín. Lúc ấy, Kosiya nhắc cháo ra khỏi lò, bảo các vị Bà-la-môn đem lá tói. Vẫn ngồi tại chỗ, năm vị vươn tay ra đưa các ngọn lá cây leo hái từ Tuyết Sơn. Kosiya thấy vậy, bảo:

– Ta không thể cho cháo vào các ngọn lá to như thế của các vị đâu. Hãy lấy lá cây keo hay các cây tương tự!

Các vị đi lượm lá ấy, mỗi lá lớn bằng cái mộc của chiến sĩ. Ông lấy muỗng múc một ít cháo cho tất cả các vị. Vào lúc ông đã múc xong cho vị cuối cùng vẫn còn nhiều cháo trong nồi, sau khi cho năm vị xong, ông cầm lấy cái nồi rồi ngồi xuống. Ngay lúc ấy, Pañcasikha đứng lên, biến hình thành con chó đến đứng trước các vị và tiểu tiện. Mỗi vị Bà-la-môn đều lấy một ngọn lá che cháo. Một giọt nước tiểu của chó rơi vào mu bàn tay của Kosiya. Các vị Bà-la-môn lấy nước trong bình ra trộn với cháo giả vờ ăn. Kosiya nói:

– Cho ta một chút nước, rửa tay xong ta mới ăn cháo.

Các vị bảo:

– Hãy đi kiếm nước cho mình và rửa tay!

– Ta đã cho các vị cháo thì nay hãy cho ta một chút nước.

– Chúng ta không làm việc trao đổi thí vật.

– Thế thì giữ giùm ta nồi cháo, sau khi rửa tay xong, ta sẽ trở về.

Và ông xuống bờ sông. Lúc ấy, con chó tiểu tiện đầy nôi. Kosiya thấy chó tiểu tiện liền lấy gậy lớn và đến gần hăm dọa nó. Bấy giờ, con chó biến thành con ngựa thuần chủng và trong khi nó đuổi theo ông ta, nó biến hóa đủ màu, khi thì chó màu đen, khi thì trắng, khi thì vàng, khi thì lốm đốm, dáng nó khi thì cao, khi thì thấp. Nó hiện ra đủ hình dáng khác nhau như vậy và rượt theo Kosiya khiến ông sợ chết khiếp, chạy đến gần các Bà-la-môn trong khi các vị bay lên đứng trên không. Khi thấy thần lực các vị, ông ngâm kệ:

204. Các ngài Thánh giả Bà-la-môn,
Đang đứng trên cao giữa cõi không,
Con chó các ngài sao lạ vậy?
Thay hình đổi dạng cả ngàn lần,
Dầu là chỉ một mình con chó,
Các vị là ai, nói thật chân.

Nghe vậy, Thiên chủ Sakka đáp:

205. Đó Canda với Suriya,
Và nọ Mātali quản xa,
Thiên chủ là ta đây, Đế-thích,
Ở trên thiên giới Ba Mươi Ba,
Pañcasikha là thần nhạc,
Ngũ Kế đuổi người chạy đầy mà.

Và Sakka ngâm kệ ca ngợi danh vọng của Pañcasikha:

206. Trông to, trông nhỏ thấy vang lừng,
Đánh thức thần dậy khỏi giấc nồng,
Khi tỉnh, nhạc hân hoan trời khúc,
Làm tim chàng rộn rã vui mừng.

Nghe lời ngài, Kosiya hỏi:

– Thừa Thiên chủ, nhờ hành động gì, con người đạt vinh quang thiên giới như vậy?

– Những người không thực hành bố thí, những kẻ tạo ác nghiệp và keo kiệt không thể lên thiên giới mà tái sanh địa ngục.

Sakka ngâm kệ nêu rõ điều này:

- 207.** Sinh ra keo kiệt, kẻ xan tham,
Khinh bỉ Bà-la-môn, đạo nhân,
Khi chết bỏ thân phạm tục ấy,
Phải vào địa ngục trú thân tàn.

Và ngài ngâm các kệ sau để chứng tỏ những người Hiền trí theo chánh hạnh sẽ đạt thiên giới:

- 208.** Kiên trì chánh hạnh đạt thiên đàng,
Bồ thí, điều thân, tránh lỗi lầm,
Khi chết bỏ thân phạm tục ấy,
Sẽ lên thiên giới sống bình an.

Sau đó, Sakka lại bảo:

– Này Kosiya, chúng ta không đến để xin ăn cháo đây, nhưng vì lòng thương xót người mà chúng ta đến.

Và ngài ngâm kệ nêu rõ việc ấy cho ông:

- 209.** Dù trong đời trước có thân tình,
Người hận sâu, keo kiệt, ác hành,
Nên chính vì người, ta giáng thế,
Ngăn người khỏi địa ngục lai sinh.

Nghe vậy, Kosiya suy nghĩ: “Các ngài nói các ngài có thiện chí đối với ta, muốn ta khỏi đọa đầy địa ngục và an trú ta vào thiên giới”, và ông vô cùng hoan hỷ ngâm kệ:

- 210.** Như vậy ngài thuyết giảng cho ta,
Chắc chắn ngài mong lợi lạc mà,
Ta sẽ theo lời ngài khuyến giáo,
Như ta hiểu được ý sâu xa.
- 211.** Từ nay ta bỏ thói xan tham,
Kiêng kỵ việc hung ác bạo tàn,
Bồ thí gia tài cho tất cả,
Dù là chén nước cũng chia phần.
- 212.** Sakka, bồ thí mãi như vậy,
Tài sản nhà ta giảm sút ngay,
Ta quyết sẽ tu hành xuất thế,
Tham dục loại nào cũng chạy bay.

Sau khi cảm hóa Kosiya, Thiên chủ Sakka lại dạy ông các quả báo của hạnh bồ thí, làm cho ông biết hy sinh quên mình và ngài đã an trú ông vào ngũ giới xong liền cùng các vị thiên hầu cận trở về cõi trời.

Phần Kosiya cũng vào thành Ba-la-nại, sau khi xin phép vua, ông bảo gia nhân đi lấy tất cả nồi chảo mà họ có được, đổ đầy vàng bạc từ kho báu đem cho hành khất. Bấy giờ, ông khởi hành từ vùng Tuyết Sơn bên phía hữu, ở một nơi

giữa sông Hằng và một hồ thiên nhiên, ông xây một am thất bằng lá, trở thành ẩn sĩ khổ hạnh sống bằng củ quả rừng. Vị ẩn sĩ sống ở đó một thời gian cho đến tuổi già.

Thời ấy, Thiên chủ Sakka có bốn ái nữ là Āsā (Hy Vọng), Saddhā (Tín Thành), Sirī (Vinh Quang) và Hirī (Liêm Sĩ). Các nàng đem theo nhiều tràng hoa trời thơm ngát đến hồ Anotatta, chơi đùa trong nước và sau khi đã chơi thỏa thích ở đó lại an tọa trên đỉnh Manosilātala.

Ngay lúc ấy, ẩn sĩ Bà-la-môn Nārada lên cung đình cõi trời Ba Mươi Ba nghỉ ngơi tránh cơn nắng gắt ban ngày. Sau khi an trú ngay dưới khóm cây Cittakūṭalata¹² trong thiên lạc viên Nandana, ông cầm một đóa san hô trong tay để làm lọng che nắng và về Kim động, nơi ông an trú trên đỉnh Manosilātala. Các thiên nữ thấy đóa hoa trong tay ông liền xin ông cho hoa.

Bạc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 213.** Trên đỉnh Hương Sơn, chúa núi rừng,
Sakka ái nữ, các tiên nương,
Hân hoan nhìn Thánh nhân lừng lẫy,
Bước đến cầm hoa đẹp dị thường.
- 214.** Cành hoa trong sáng ngát mùi hương,
Xứng với thiên tiên, các thánh thần,
Chẳng quý ma hay người thế tục,
Dám đòi hoa quý giá vô ngần.
- 215.** Āsā, Sirī, với Saddhā,
Và Hirī, da sáng tựa vàng,
Bốn tiên nương đều là tuyệt sắc,
Đứng lên nói với Bà-la-môn:
- 216.** “Cho đóa san hô, hỡi Thánh nhân,
Nếu cho hoa ấy thuộc oai thần,
Chúng con kính lễ như Thiên chủ,
Ngài sẽ được ban mọi phước phần.”
- 217.** Nārada thấy chúng mong cầu,
Liền khởi ngay tranh chấp lớn lao:
“Ta chẳng cần hoa, ai muốn được,
Phải là vương hậu các nàng bầu.”

Bốn thiên nữ nghe vậy liền ngâm kệ:

- 218.** Nārada, tối thượng là ngài,
Ngài muốn ban ai ước nguyện này,

¹² Bản CST viết Cittalatā.

Ai được ngài ban quà tặng ấy,
Sẽ là tiên đẹp nhất trong đàn!

Nārada nghe vậy liền bảo:

- 219.** Tiên nương, lời ấy chẳng như chân,
Tu hành nào dấy cuộc tranh phân?
Hãy tìm lập tức ngài Tiên chúa,
Sẽ biết ai dung sắc tuyệt trần.

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm kệ này:

- 220.** Kiêu ngạo về sắc đẹp, phát cuồng,
Nóng lòng vì bậc Trí tinh khôn,
Họ đi đến Sakka Thiên chủ,
Để biết ai xinh đẹp nhất đàn.

Các nàng đứng hỏi vậy xong:

- 221.** Các nàng hăm hở vội đi tìm,
Đế-thích đầy tôn trọng, phán liền,
“Tất cả tiên nương đều tuyệt sắc,
Vậy ai phá hoại sự bình yên?”

Nghe ngài hỏi vậy, các nàng đáp:

- 222.** Nārada, bậc Đại Hiền nhân,
Nhẹ bước du hành giữa cõi không,
Chân lý uyên thâm, chuyên chánh hạnh,
Như vậy đã nói ở Hương Sơn,
“Hãy tìm Thiên chủ Sakka ấy,
Để biết ai ưu, liệt giữa đàn.”

Nghe thế, Thiên chủ Sakka suy nghĩ: “Nếu ta bảo ai trong bốn ái nữ của ta đức hạnh vượt lên các nàng kia, chúng sẽ nổi giận. Trường hợp này ta không thể quyết định được. Ta sẽ đưa chúng đến Kosiya, vị ẩn sĩ tại Tuyết Sơn, vị ấy phải quyết định vấn đề này cho chúng nó.” Vì thế, ngài bảo:

– Ta không thể quyết định trường hợp các con được. Trên vùng Tuyết Sơn có vị ẩn sĩ tên là Kosiya. Ta muốn gửi một chén tiên thực tặng vị ấy. Vị ấy chẳng ăn gì mà không chia cho kẻ khác và trong lúc cho, vị ấy biểu lộ sự xét đoán bằng cách tặng kẻ nào đức hạnh. Ai trong các con nhận được thực phẩm từ tay vị kia thì nàng ấy sẽ là nàng tiên tối thắng.

Vừa nói vậy, ngài vừa ngâm kệ:

- 223.** Hiền nhân trú ở khóm rừng xa,
Chẳng đụng thức ăn chưa phát ra,
Vừa tặng quà, Kosi xét đoán,
Ai là đệ nhất các tiên nga.

Rồi ngài triệu tập Mātali và bảo vị ấy đi đến ân sĩ kia, khi truyền lệnh, ngài ngâm kệ sau:

224. Trên sườn núi Tuyết, chỗ Hằng hà,
Xuôi phía Nam, Hiền thánh ẩn cư,
Tiên thực, Mātali đến tặng,
Ngài đang thiếu ẩm thực đây mà.

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm kệ:

225. Mātali nhận lệnh trời ban,
Lái chiếc thiên xa ngựa cả ngàn,
Thoắt đứng giấu mình am ân sĩ,
Và dâng tiên thực tặng Hiền nhân.

Kosiya nhận lấy và ngay khi đang đứng, ông ngâm hai vần kệ:

226. Khi lửa tế đàn lão đốt lên,
Ngợi ca vàng nhật đuổi đêm đen,
Sakka ngự trị trên thiên giới,
Ai khác trao tay thực phẩm tiên?
227. Như hạt ngọc trai trắng tuyết trần,
Ngát hương, thanh tịnh, đẹp vô ngần,
Mắt ta từ trước chưa hề thấy,
Ai đặt vào tay thực phẩm thần?

Mātali liền đáp:

228. Ta đến, Sakka hạ lệnh truyền,
Vội vàng mang thực phẩm thần tiên,
Cao lương thượng vị, đừng lo sợ,
Xin hãy ăn đi, hỡi bậc Hiền,
Ngài thấy Mātali trước mắt,
Quản xa thần ở cõi chư thiên.
229. Do thọ dụng đây thực phẩm thần,
Mười hai ác nghiệp thấy tiêu dần,
Đói cơm, khát nước, buồn, đau, mệt,
Nóng, lạnh, đấu tranh, với hận sân,
Lười biếng, nộ cuồng, mồm phỉ báng,
Mời ngài tiên thực, chớ phân vân!

Nghe vậy, Kosiya ngâm kệ giải thích rằng ông đã có lời phát nguyện xưa:

230. Ăn một mình, ta thấy thật sai,
Nên xưa ta đã nguyện thành lời,
Ta không đụng đến thức ăn nữa,
Nếu chẳng cho ai bớt một vài.

Ăn một mình không được tán thành,
Bởi người có trí tuệ cao minh,
Ai không san sẻ cho người khác,
Hạnh phúc làm sao đến với mình.

Khi Mātali hỏi vị này:

– Thưa Thánh giả, ngài thấy điều gì sai trái khi ăn mà chẳng chia phần cho kẻ khác nên ngài phát nguyện này?

Ông đáp:

- 231.** Những người nào phạm tội tà dâm,
Hoặc bọn người tàn sát nữ nhân,
Phỉ báng, rửa nguyên bao Thánh giả,
Hoặc người phản bội các thân bằng,
Hoặc tội tệ nhất, người keo kiệt,
Ta chẳng hề mong xếp hạng chung,
Nước uống cho dù là một giọt,
Ta không đựng, nếu chẳng chia phần.
- 232.** Vật ta đem tặng mãi tuôn tràn,
Cùng khắp nam nhân lẫn nữ nhân,
Bậc Trí sẽ tuyên dương những kẻ,
Phát ban của cải để thi ân.
Những ai hào phóng trên trần giới,
Và tránh xan tham đủ mọi đảng,
Sẽ được mọi người đồng tán thán,
Quý yêu như thiện hữu, chân nhân.

Nghe nói vậy, Mātali xuất hiện nguyên hình trước vị này. Vừa lúc ấy, bốn thiên nữ đứng ở bốn phương: Sirī ở phía Đông, Āsā ở phía Nam, Saddhā ở phía Tây và Hirī ở phía Bắc.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

- 233.** Cả bốn tiên nương sắc tựa vàng,
Tên là Hirī với Saddhā,
Āsā, Sirī, tuân thiên mệnh,
Bước đến Kosiya ẩn am.
- 234.** Thiên nữ hình dung rực lửa hồng,
Mỗi phương đến đứng một cô nàng,
Trước Mātali quán xa thiên,
Bậc Trí vui mừng vội hỏi han:

235. “Là ai, thiên nữ tựa sao mai,
Chiều sáng trời Đông khắp mọi nơi,
Mình khoác xiêm y¹³ vàng chói lọi,
Tên gì cho biết, gái nhà trời?”
236. “Sirī, bạn quý của người đời,
Ta bảo vệ người trong sạch thôi,
Ta đến đây mong cầu thực phẩm,
Xin làm toại nguyện, Thánh nhân ôi!
237. Ta ban hạnh phúc đến người nào,
Ta muốn tâm cầu thỏa ước ao,
Tên gọi Sirī, thưa Thánh giả,
Xin đem tiên thực tặng ta nào!”

Nghe vậy, Kosiya đáp:

238. Những người tài đức lại tinh thông,
Xuất chúng mọi điều trí ước mong,
Song bởi thiếu nàng nên thất bại,
Việc này ta trách ác phần nàng.
239. Kẻ kia tham dục lại chây lười,
Dị tướng, con dòng hạ liệt thôi,
Song được nàng ban cho phú quý,
Khiến người quý tộc hóa nô tài.
240. Ta thấy nàng hư dối, độn đàn,
Cuốn lỏi bọn ngốc, thật liêu thân,
Lại còn đánh bại bao người trí,
Không có quyền đòi nước, tọa sàng,
Nói gì thực phẩm thần tiên ấy,
Đi gấp, ta không chút thích nàng!

Thế là nàng tiên liền biến mất ngay lập tức. Sau đó, ông nói chuyện với nàng Āsā:

241. Nàng là ai, hỡi tiên nga,
Trong sáng, hàm răng trắng mượt mà,
Sáng chói vòng vàng, khuyên lấp lánh,
Xiêm y rực rỡ gọn thu ba,
Đầu cài thoa đỏ như màu lửa,
Được đốt bằng chùm cỏ kusa?
242. Trông nàng như một chị nai rừng,
Chạm nhẹ mũi tên của thợ săn,

¹³ Xem Cv. X. 16.

Thơ thân mắt nhìn quanh hốt hoảng,
Khác nào con vật bị kinh hoàng.
Hỡi nàng thiên nữ mắt dịu hiền,
Nàng có bạn nào ở đây chẳng,
Vì thế lạc đường không sợ hãi,
Một mình phiêu bạt giữa rừng hoang?

Nàng đáp vần kệ này:

243. Ta chẳng có đây bạn chí thân,
Từ Sakka điện, chốn thiên cung,
Masakkasāra¹⁴ ấy là tên gọi,
Ta chính là thiên nữ giáng trần,
Āsā giờ đây đang xuất hiện,
Để mong cầu thực phẩm thiên thần,
Xin ngài nghe kỹ, thưa Tôn giả,
Và tặng ta điều vẫn ước mong.

Nghe vậy, Kosiya bảo:

– Người đời vẫn nói với ta rằng bất cứ ai làm nàng hài lòng, nàng liền ban hy vọng cho kẻ ấy bằng cách hoàn thành kết quả của niềm hy vọng, còn ai không làm nàng vui lòng thì nàng không ban cho kẻ ấy. Như thế, thành công không đến với kẻ ấy là do nàng tạo ra thất bại.

Để chứng minh điều này, ông ngâm kệ:

244. Lái buôn hy vọng kiếm kho tàng,
Ra biển lên tàu vượt đại dương,
Đôi lúc chìm tàu đâu thấy nữa,
Mất vàng, thoát chết cũng kêu than.
245. Nông gia cày ruộng vẫn cầu mong,
Gieo hạt, cố làm hết khả năng,
Song gặp tai ương hay hạn hán,
Mất mùa gặt hái để bù công.
246. Kẻ thích giàu, hy vọng hết lòng,
Vì vua chiến đấu thật anh hùng,
Ngã nhào, địch xiết vòng vây hãm,
Chiến đấu vì vua phải thiệt thân.
247. Để vàng, kho lúa tặng bà con,
Vì lạc thiên đường vẫn ước mong,
Chịu đựng lâu ngày bao khổ hạnh,
Do tà pháp dẫn đến đau buồn.

¹⁴ Masakkasāra là tên gọi cung điện chính của cõi trời Tāvātimsa (Ba Mươi Ba). Tham khảo: J. V. 161, *Saṃkhaṇḍapāṭi* (Chuyện long vương *Saṃkhaṇḍapāṭi*), số §524.

- 248.** Lừa dối thể nhân, ước hão huyền,
 Hãy lia hư vọng thỏa tâm nguyên,
 Không quyền đòi hỏi ngay tọa sàng,
 Bình nước, nói gì thực phẩm tiên!
 Ta chẳng thích nàg, Āsā hỡi,
 Biến đi, nàg hãy biến đi liền!

Nàng thiên nữ ấy cũng bị khước từ liền biến mất dạng ngay lập tức. Sau đó, vị ấy lại ngâm kệ trò chuyện với thiên nữ Saddhā:

- 249.** Lừng danh thiên nữ sắc huy hoàng,
 Đứng phía trời Tây, phía tháp thường,
 Mình khoác xiêm y vàng rực rỡ,
 Tên gì cho biết, hỡi tiên nương?

Nàng liền ngâm kệ đáp:

- 250.** Saddhā, bạn quý của người đời,
 Ta bảo vệ người trong sạch thôi,
 Ta đến đây cầu mong thực phẩm,
 Xin làm toại nguyện, Thánh nhân ôi!

Kosiya bảo:

– Những người nào vì tin tưởng từ lời này đến lời khác vẫn hay làm các chuyện nọ chuyện kia, thường làm những việc không nên làm hơn là những việc nên làm và thực sự tất cả đều do nàg.

Và vị ấy ngâm các vần kệ:

- 251.** Bồ thí rộng tay bởi tín tâm,
 Cử kiêng, điều phục, hộ phòng thân,
 Vì nàg có lúc mất ân phước,
 Trộm cắp, vu oan, lại vọng ngôn.
- 252.** Với vợ hiền cao quý, thực đoan,
 Đàn ông thường thận trọng, khôn ngoan,
 Dục tình chế ngự đầy chu đáo,
 Song đặt lòng tin ả bán hương.
- 253.** Vì nàg lan rộng thói tà dâm,
 Nàng bỏ thiện lương, sống lỗi lầm,
 Không có quyền đòi bình nước uống,
 Cũng chẳng đòi đâu được tọa sàng,
 Nói gì thực phẩm từ thiên giới,
 Đi gấp, ta không chút thích nàg!

Nàng thiên nữ cũng biến ngay lập tức. Nhưng Kosiya lại trò chuyện với nàg Hirī khi nàg đang đứng ở phương Bắc và ngâm hai vần kệ:

254. Bình minh viên rực, bóng đêm tàn,
N như chúa mắt ta, sắc đẹp nàng,
Thiên nữ hình dung, ôi tuyệt mỹ,
Nàng là ai, hãy nói danh xưng?

255. Như một cây mềm, dễ mọc ngang,
Trên vùng đất lửa đốt lan tràn,
Lá hồng theo gió mùa hè rụng,
Sao cứ nhìn ta, đáng thẹn thuồng,
Như thể có điều gì muốn nói,
Nhưng yên lặng đứng đó, cô nàng?

Lúc ấy, nàng ngâm kệ đáp:

256. Hirī là ta, bạn chí thân,
Vẫn thường giúp đỡ các chân nhân,
Đến đây ta muốn xin tiên thực,
Song ước mơ nào dám nói năng,
Cầu khẩn đáng là điều hổ thẹn,
Nhất là đối với gái hồng quần.

Nghe vậy, vị ẩn sĩ ngâm hai vản kệ:

257. Nàng chẳng cần đòi hỏi khăn van,
Nhận sao cho hợp với quyền nàng,
Ta ban điều dám đâu mơ tưởng,
Hãy nhận món này thỏa ước mong.

258. Hôm nay dùng tiệc ở trong am,
Xin hạ cố, thiên nữ sắc vàng,
Ta thiết đãi nàng bao thượng vị,
Món ăn thiên giới cũng chia nàng.

Những vản kệ sau đây là của bậc Giác Ngộ:

259-60. Hirī tiên nương thật vẻ vang,
Được mời làm khách ở trong am,
Kosiya có nhiều hoa quả,
Khe suối quanh năm chảy ngập tràn,
Lại thấy từng đoàn Hiền thánh giả,
Vẫn thường lui tới các thôn làng.

261. Rậm rạp khóm cây đang trở hoa,
Piyāla, xoài, mít, cạnh juda,
Sāla, đào đỏ tươi tô điểm,
Hùng vĩ sung, bàng đỏ bóng xa.

262. Theo gió, nhiều hoa tỏa ngát hương,
Đậu, kê, gạo đủ thứ, kìa trông,
Nơi nơi buông chuỗi trông phong phú,
Tre, sậy chen nhau rậm nhất vùng.
263. Ở về phía Bắc, được viền quanh,
Bờ bên phẳng phiu, mát dịu lành,
Khe suối trong ngần tuôn chảy mãi,
Hãy nhìn hồ nước đáng uy linh.
264. Đàn cá tung tăng hạnh phúc tràn,
Tự do nô giỡn thật bình an,
Giữa bao thực phẩm đầy phong phú,
Hưởng thọ sao cho thỏa ước mong.
265. Bầy chim hạnh phúc chốn an bình,
Thường thức cao lương thật thỏa tình,
Thiên nga, ung, hạc, chim công quý,
Cu gáy, ngỗng hồng với trĩ xanh.
266. Cọp, beo, sư tử đến từng bầy,
Làm dịu ngay cơn khát chốn này,
Gấu, chó, sói rừng thường lảng vảng,
Đây là nguồn nước uống tràn đầy.
267. Trâu nghé, tê ngưu cũng đến đây,
Linh dương, nai đỏ, lợn rừng bầy,
Hươu rừng rất lớn và nhiều loại,
Xuất hiện mèo tai thỏ lắm thay.
268. Các sườn núi rực rỡ muôn hoa,
Tươi thắm bao màu sắc điểm tô,
Vang dội tiếng chim muông ríu rít,
Lượn bay khắp cả chốn rừng thưa.

Đức Thế Tôn đã ca tụng vùng thảo am của Kosiya như vậy. Bây giờ, Ngài ngâm kệ để miêu tả cung cách thiên nữ Hirī đi vào am:

269. Nàng thiên nữ dựa một cây cành,
Bao phủ quanh bằng tán lá xanh,
Như chớp từ vàng mây sấm sét,
Nàng vào rực sáng cảnh am tranh.
Sàng tọa thanh lịch soạn cho nàng,
Ở phía trên đầu, nệm thật sang,
Bằng cỏ kusa thơm sức nức,
Phủ ngoài da quý của linh dương.

Vị Thánh ẩn cư lại bảo ban,
Cùng nàng Hirī, vị tiên nương,
“Sàng tọa đã soạn cho nàng hưởng,
Xin hãy an tâm nhận tọa sàng.”

270. Ăn sữ lấy ra nước uống trong,
Đựng vào lá mới hái, nhanh chân,
Biết điều thâm kín nàng mơ ước,
Hoan hỷ người trao thực phẩm thần.
271. Bằng cả hai tay nhận thức ăn,
Hỷ hoan thiên nữ đáp lời ngài:
“Giờ đây, thiếp được ngài dâng cúng,
Người thắng nên đi đến cõi trời.”
272. Thiên nữ say kiêu hãnh vẻ vang,
Vội ân huệ yết kiến Thiên hoàng:
“Hãy nhìn, Thiên đế ngàn con mắt,
Tiên thực đây, phần thưởng hãy ban!”
273. Sakka cùng với chúng thiên thần,
Kính lễ nàng thiên nữ tuyệt luân,
Trong lúc nàng ngồi trên bảo tọa,
Thiên nhân đồng ái mộ dung nhan.

Trong lúc tôn vinh nàng như vậy, ý tưởng này chợt đến với Thiên chủ Sakka: “Vì duyên cớ gì Kosiya từ chối ban tặng vật cho các nàng kia, lại ban thực phẩm thần tiên cho nàng này thôi?” Để xác định lý do này, ngài lại triệu Mātali đến.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

274. Sakka Thiên chủ cõi Băm Ba,
Phán lệnh Mātali quản xa,
Truyền đến bảo Hiền nhân giải thích,
Cớ gì Hirī được ban quà?

Tuân lệnh ngài, Mātali cười thiên xa Vejayaṇṭa (Tối Thắng xa của Đế-thích)¹⁵ khởi hành đến nơi kia.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả vấn đề:

275. Vì vậy Mātali vội vàng,
Phóng xe du lịch giữa không gian,
Phụ tùng mọi thứ đều cân xứng,
Trong vẻ vinh quang đẹp dị thường,

¹⁵ Xem J. I. 203; II. 254; IV. 355; VI. 106.

- Càng đúc bằng vàng tinh luyện kỹ,
 Khung xe đóng khéo được trang hoàng,
 Cầu kỳ đủ các hình tô điểm,
 Tất cả xe đều chạm trổ vàng.
276. Trên vàng được phát họa chim công,
 Khéo tạo thành con số thật đông,
 Bò, ngựa, hổ, voi và báo nữa,
 Linh dương, nhung lộc sắp tranh hùng,
 Ở trong bảo ngọc này đều khắc,
 Đàn cưỡi cùng chim khác lượn vòng.
277. Xe được thắng thiên mã cả ngàn,
 Mạnh như voi trẻ, sắc kim hoàn,
 Cảnh này xem thực vinh quang quá,
 Ngực chúng đều bao mạng lưới vàng,
 Cùng các tràng hoa treo lủng lẳng,
 Được buông lơ lửng sợi dây cương,
 Vừa khi nghe một lời ra lệnh,
 Chúng lướt nhanh như gió nhẹ nhàng.
278. Ngay lúc Mātali nhảy vọt nhanh,
 Cưỡi thiên xa ấy giữa thiên thanh,
 Âm thanh mười hướng đồng vang dội,
 Qua giữa không gian đã tốc hành,
 Thiên tử làm trần gian chấn động,
 Biển, trời, đất với núi rừng xanh.
279. Chẳng bao lâu đến thảo am kia,
 Mong ước tỏ lòng tôn kính ra,
 Để một vai trần chào Thánh giả,
 Mātali lại bắt đầu thưa,
 Với vị Bà-la-môn trí tuệ,
 Tinh thông thánh điển thật cao xa:
280. “Nghe đây, Tôn giả Kosiya,
 Lời nói của Thiên chủ Sakka,
 Về việc ngài đang mong muốn biết,
 Kia xem, sứ mạng được giao ta,
 ‘Trong khi Tôn giả không công nhận,
 Quyền của Āsā, Saddhā và
 Sīrī, xin hỏi sao Hirī
 Riêng nhận từ tay ấy thưởng quà?’”

Khi nghe những lời này, vị ẩn sĩ khổ hạnh ngâm vắn kệ:

281. Mātali hỡi, nàng Saddhā,
Là ngọc nữ không được vẹn toàn,
Trong lúc Sirī tâm bất định,
Hỡi ngài, thiên tử quản xa thần,
Nàng Āsā vẫn thường lừa dối,
Thích phản bội lời hứa của nàng,
Hirī riêng mình theo đức hạnh,
Trú thân trong Thánh đạo bình an.

Bấy giờ, vị ấy lại ngâm kệ ca ngợi đức hạnh của nàng:

282. Sống ở gia môn, gái má hồng,
Vẫn luôn được bảo vệ, canh phòng,
Nữ nhân đã quá thời xuân sắc,
Và những kẻ đang sống với chồng,
Ví thử có khi nào nhục dục,
Bỗng nhiên phát khởi ở trong lòng,
Nghe lời nói của nàng Hirī,
Chế ngự dục tâm hạ xuống dần.

283. Khi các giáo, tên ở chiến trường,
Phóng nhanh rào rạt tựa mưa tuôn,
Trong cơn trốn chạy, bao đồng đội,
Ngã xuống hay đào tẩu loạn cuồng,
Nghe được lời nàng Hirī nói,
Nhiều người dừng chạy, dẫu nguy nan,
Và dẫu đang ngập tràn kinh hoảng,
Lần nữa xông ra chốn kiếm thương.

284. Giống như bờ biển vẫn thường ngăn,
Những đợt ba đào giữa đại dương,
Hirī cũng thường hay trấn áp,
Con đường của những bọn tà gian.
Mātali hỡi, mau về gặp,
Thiên chủ Inda, nói rõ ràng,
“Bậc Thánh khắp nơi trên thế giới,
Thấy đều tôn trọng đại danh nàng.”

Nghe vậy, Mātali ngâm vắn kệ:

285. Kosiya, kẻ ấy là ai,
Đã gợi ý kia đến với ngài,
Có phải là Inda Đại đế,
Phạm thiên, hay Pajāpati?

Nàng Hirī ấy, thừa Tôn giả,
Phải biết được sinh bởi ý trời,
Thiên chủ Inda trên thượng giới,
Riêng nàng đức hạnh tối cao ngôi.

Trong lúc vị thiên tử nói, ngay chính thời khắc ấy, Kosiya sắp phải tái sinh. Mātali liền bảo:

– Nay Kosiya, thân ngũ uẩn đang lìa Tôn giả. Việc thực hành hạnh bố thí đã viên mãn. Tôn giả còn có gì liên hệ với nhân thể nữa đâu? Bây giờ chúng ta sẽ lên thiên giới.

Vừa quyết định đưa vị ấy lên trời, thiên tử vừa ngâm kệ:

286. Thánh nhân, hãy bước đến bây giờ,
Lập tức lên xe quý của ta,
Ta sẽ dẫn ngài về thượng giới,
Cung đình ngự trị cõi Băm Ba,
Inda đang đợi chờ Tôn giả,
Quyền thuộc Inda quả thực là,
Thiên đạo hôm nay lên cộng trú,
Ngài thành đạt với Chúa Inda.

Trong lúc Mātali đang nói, Kosiya từ trần và hóa sanh vào hàng thiên chúng mà không cần qua trung gian cha mẹ, rồi bước lên đứng trên thiên xa. Sau đó, Mātali đưa vị ấy đến yết kiến Thiên chủ Sakka. Khi thấy vị ấy, Thiên chủ rất đẹp ý và thưởng thiên nữ Hirī cho vị ấy đưa về làm vương hậu chánh cung, lại ban cho vị ấy vương quyền cai trị một miền rộng bao la nữa.

Hiểu rõ điều này, bậc Đạo sư bảo: “Chính hành động của một số Hiền nhân được thanh tịnh theo cách ấy.” Và Ngài ngâm vần kệ cuối cùng:

287. Chính hành động của Thánh, Hiền nhân,
Đưa đến đời sau quả phước ân,
Kết quả thiện hành an trú mãi,
Người nhìn thực phẩm của thiên thân,
Được đem trao tặng nàng Hirī,
Thân hoại, trú an với Ngọc hoàng.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại với những lời này:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, Ta cũng đã giáo hóa kẻ xan tham này vốn là gã keo kiệt cố hữu.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

288. Uppalavannā là nàng Hirī,
Tỷ-kheo bố thí ấy Kosiya,

Pañcasikha là Anuruddha,
Mātali là thị giả Ānanda.

289. Suriya chính Kassapa,
Canda ngày ấy, Moggallāna,
Nārada là Sāriputta,
Vua trời Đế-thích chính là Như Lai.

§536. CHUYỆN CHIM CHÚA KUṆĀLA (*Kuṇālajātaka*)¹⁶ (J. V. 413)

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú gần hồ Kuṇāla, liên hệ đến năm trăm vị Tỷ-kheo bị tâm bất mãn chi phối. Câu chuyện diễn tiến theo trình tự sau đây.

Hai bộ tộc Sākya (Thích-ca) và Koliya (Câu-ly) có con sông Rohiṇī chảy ở giữa hai thành phố Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) và Koliya. Sông này được ngăn bằng một con đê duy nhất, nhờ đó dân chúng cày bừa gặt hái. Trong tháng Jetṭhamūla (tháng Năm và Sáu), khi lúa bắt đầu trổ bông và rũ xuống, nông dân cư trú ở hai thành này tụ họp lại. Rồi dân chúng Koliya nói:

– Nếu cả hai bên cùng lấy nước thì nước sẽ không đủ cho cả hai thành phố chúng ta. Song dân chúng tôi sẽ được mùa to nếu chỉ một bên chúng tôi kéo nước, vậy hãy cho chúng tôi nước sông này!

Dân chúng thành Kapilavatthu đáp:

– Khi các ông đã chất thóc đầy vựa thì chúng tôi không dám cả gan đem rubi, vàng ròng, sa-phia, tiền đồng, thúng, giỏ trong tay lai vãng trước cửa nhà các ông đâu. Chúng tôi cũng sẽ được mùa to nếu chỉ riêng chúng tôi lấy nước, vậy hãy cho chúng tôi lấy nước này đi!

Đám người này đáp:

– Ta không muốn cho.

Đám người kia trả lại:

– Ta cũng không muốn.

Trong lúc lời qua tiếng lại ồn ào như vậy, một người trong bọn họ đứng lên đâm vào một kẻ khác, đến lượt người ấy đâm trả một kẻ thứ ba và cứ thế họ đâm đá nhau và xúc phạm đến nguồn gốc hoàng tộc của nhau, làm tăng dần cảnh huyên náo ấy. Các nông gia Koliya bảo:

– Các người Kapilavatthu, con cháu dòng Sākya hãy rút ngay đi, chúng bây là loài cầu trệ, lang sói, ăn ở với chị em gái của mình như súc vật kia. Voi, ngựa, giáo, khiên của chúng bây chống lại ta có lợi ích gì?

Các nông gia Sākya đáp:

¹⁶ Xem J. I. 328, *Rukkhadhammajātaka* (Chuyện luật cây rìng), số §74.